

***** THE *****

** DARING **

YOUNG MAN

***** ON THE *****

FLYING
TRAPEZE

***** AND *****

OTHER STORIES

* WILLIAM *

* SAROYAN *

***** THE *****

** DARING **

YOUNG MAN

***** ON THE *****

FLYING
TRAPEZE

***** AND *****

OTHER STORIES

* WILLIAM *

* SAROYAN *

CHÀNG TRẺ TUỔI GAN DẠ TRÊN CHIẾC DÙ BAY

WILLIAM SAROYAN

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Mục lục

[Chàng trẻ tuổi gan dạ trên chiếc đu bay](#)

[Tim tôi ở cao nguyên](#)

[Con gái người chăn cừu](#)

[Cái chết của trẻ con](#)

[Một ngày lạnh](#)

Chàng trẻ tuổi gan dạ trên chiếc đù bay

William Saroyan

Có thể nói, đây chính là truyện khiến tôi lấy làm kinh ngạc nhất: theo một nghĩa nào đó, đây là truyện đầu tiên của tôi, mặc dù vào lúc này, tháng hai năm 1934, truyện của tôi đã được viết và đăng hàng tá trên tờ Story Magazine, và cũng khá nhiều trên tờ Hairenik, ấy là chưa kể những tạp chí khác như tờ Overland Monthly ở San Francisco, hoặc tờ The San Franciscan, The Boulevardier... tôi thử gửi đến tất cả các tòa soạn, và va phải nhiều việc đăng hòng: hoặc là bị lờ đi không trả lấy một cắc nhuận bút, cao lắm là mười đô một truyện, như tờ The Boulevardier chẳng hạn. Truyện này được viết một mạch vào một ngày đầu tháng mười một, năm 1933, sau khi tôi đã viết toàn thể một loạt truyện thử nghiệm từ ngày đầu đến ngày cuối, tháng mười năm đó. Chắc một điều là, việc thử nghiệm đó đã thúc đẩy tôi viết nên truyện ngắn này. Trong và sau khi viết xong tác phẩm, tôi chắc chắn thế nào nó cũng được tờ Story đón nhận, vì tôi cảm biết tràn trề rằng nó là một truyện hay, được viết theo một văn thể hoàn toàn riêng biệt. Và quả nhiên đúng như vậy. - W. Saroyan

I. Ngủ

Tỉnh giấc, nằm ngang ngửa giữa bao la nhân thế, tập cười và đùa vui, chiêm biếm tận cùng của tất cả, của Rome và, vâng, của cả Babylon nữa, nghiêng răng, kỷ niệm, nóng hực như núi lửa, những đường phố Paris, những cánh đồng ở Jericho, lắm cái trườn đi như loài bò sát lẫn mình, một phòng triển lãm tranh màu nước, biển cả và cá có mắt, hòa khúc, một cái bàn trong góc tháp Eiffel, điệu jazz ở ca kịch viện, đồng hồ báo thức và điệu nhảy claquette đượm mùi tận thế, nói chuyện với một cái cây, với sông Nile, tiếng hổ gầm gừ của Dostoyevsky, và mặt trời tối sầm lại.

Trái đất này khuôn mặt của kẻ sống, cái hình thể không sức nặng, khóc than trên tuyết, âm nhạc trắng, cái bông hoa phóng đại to gấp đôi vũ trụ, mây đen, con báo trong chuồng trở mắt, không gian bất tử, ông Eliot sẵn tay áo nướng bánh, Flaubert và Guy de Maupassant, một điệu hát không lời cổ sơ, Finlandia, toán học được dùi đẽo triệt để và nhẵn thín như đá mài, Jerusalem, con đường dẫn đến những nghịch thuyết.

Bài hát âm trầm của người, tiếng thầm thì của một kẻ không nhìn thấy nhưng được biết một cách mơ hồ, giông tố ngoài cánh đồng lúa mì, một cuộc cờ, trấn tĩnh hoàng hậu, vua, Karl Franz, giống khổng lồ đen, ngài Charlot khóc, rồi Stalin rồi Hitler, và cả một đám dân Do Thái, ngày mai là thứ hai, cấm nhảy múa ngoài đường phố.

Ồi, cái phút giây chóng vánh và mong manh của cuộc đời ấy: Nó đã chấm dứt, giờ đây lại trở về với đất.

II. Thức

Hắn (kẻ sống) mặc quần áo và cạo râu, nhếch mép cười đều cáng, cười biếm nhẽ với mình trong gương. Rất chi là không bảnh trai chút nào, hắn nói, Cà vạt của mình đâu rồi cà? (hắn chỉ

có một chiếc). Cà phê và một bầu trời âm đạm, sương mù Thái Bình Dương, tiếng gầm gào của một chiếc xe điện chạy qua, thiên hạ xuống phố, lại thời gian, ngày, văn xuôi và thơ ca. Hẳn nhanh nhẹn xuống cầu thang ra đường và bắt đầu tản bộ, không dừng nghĩ ngợi, may ra, chỉ trong giấc ngủ, chúng ta mới biết chúng ta đang sống. Chỉ lúc đó, trong cái chết sống động, chúng ta mới gặp gỡ mình và nhân thế xa xăm, Thượng Đế và cả những thiên thần, tên tuổi các tổ tiên chúng ta, cái thực thể của những giây phút xa xôi; chính nhờ giấc ngủ mà hàng thế kỷ hợp nhất trong khoảnh khắc, cái bao la vô bờ trở thành một nguyên tử bé tí, hữu hình của vĩnh hằng miên viễn.

Hắn đi vào ánh sáng ban ngày hết sức nhanh nhẹn, gót chân gây nên tiếng động rõ rệt, cảm nhận bằng đôi mắt về cái sự thô lậu của các đường phố và các công trình kiến trúc, cái sự tầm thường của những thực tại. Bất lực, hẳn thầm hát, chàng bay qua không gian như đùa bỡn; chàng tuổi trẻ gan dạ trên chiếc đu bay; đoạn cười rũ rượi. Thật là một buổi sáng tuyệt đẹp: âm đạm, lạnh lẽo, và ủ rũ, một buổi sáng của sức mạnh nội cảm; Chà chà, hẳn nói, Edgar Guest, ta khát khao âm nhạc biết là chừng nào!

Trong một đường mương, hẳn thấy một đồng tiền rơi rớt, đúng là một đồng xu cái thời 1923, và đặt nó trong lòng bàn tay, hẳn quan sát đồng xu cận kề, nhớ lại năm đó và nghĩ đến Lincoln, hình mặt nghiêng của ông được chạm tro tĩ mĩ. Hầu như người ta không thể làm gì với một xu. Hẳn nghĩ, mình sẽ mua một chiếc xe hơi. Mình sẽ ăn mặc theo lối công tử bột, chơi diêm ở khách sạn, ăn và uống rồi trở về với yên lặng. Hoặc mình sẽ bỏ đồng tiền vào máy tự động và tự cân thử coi nó nặng bao nhiêu.

Nghèo thì cũng quý lắm, nhưng đói thì khủng khiếp quá. Họ mới thèm ăn biết mấy, thèm các thứ đến rõ giải! Ôi những cái bao tử rỗng. Hẳn nhớ lại, hẳn cần thức ăn biết bao. Bữa nào cũng bánh mì, cà phê và thuốc lá, và bây giờ thì cũng chẳng có gì ráo. Cà phê mà thiếu bánh mì thì thực sự không bao giờ có thể thành bữa cơm chiều được, và chẳng có loài cỏ dại nào trong công viên mà nấu lên có thể bằng rau dền luộc cho được.

Sự thật thì, hẳn sắp chết đói, và trước khi chết hẳn còn phải đọc biết mấy sách cho hết. Hẳn nhớ lại cái gã trẻ tuổi người Ý trong một bệnh viện ở Brooklyn, một thư ký nhỏ bé đau yếu tên là Mollica, đã nói một cách tuyệt vọng, tôi muốn thấy California một lần trước khi chết. Và hẳn nghĩ một cách tha thiết, ít ra mình phải đọc Hamlet lại lần nữa; hoặc có lẽ là Huckleberry Finn. Chính lúc đó hẳn mới tỉnh táo hoàn toàn: khi nghĩ đến cái chết. Giờ đây, thức là một trạng thái có tính chất kích động không dứt. Hẳn nghĩ, một người trẻ tuổi có thể chết thầm lặng; và hẳn đã thực sự gần như chết đói. Nước lã và tản văn thì tuyệt lắm, chúng choán nhiều không gian vô cơ, nhưng chưa đủ. Phải chi có chút việc nào đó để hẳn có thể làm kiếm tiền, một việc tay chân vụn vặt gì đó nhân danh thương mại. Phải chi họ chỉ cần cho hẳn ngồi trước một cái bàn, suốt ngày cặm cùi cộng những con số của thương hiệu, trừ và nhân và chia, có lẽ hẳn sẽ không đến nỗi chết đói. Hẳn sẽ mua thức ăn đủ loại: các cao lương mỹ vị lạt lẽo từ Na Uy, Ý và cả Pháp nữa; tất cả các loại thịt bò, thịt cừu, cá, pho mát; nho, vả, lê, táo, dưa hấu, mà hẳn sẽ phượng thờ sau khi thanh toán cơn đói. Hẳn sẽ đặt một chùm nho đỏ trên một cái đĩa cạnh hai trái vả đen, một trái lê vàng óng, và một trái táo xanh. Hẳn sẽ nhứ nhứ trước mũi mình một miếng dưa hấu, hàng giờ. Hẳn sẽ mua những ổ bánh Pháp nâu lớn, rau đủ loại, thịt và sự sống.

Từ ngọn đồi, hẳn thấy thành phố nằm uy nghi ở phương Đông, những mái lầu cao chót vót, đầy đặc chủng loại hẳn, rồi bỗng nhiên hẳn thấy hẳn đứng ra bên ngoài tất cả, hầu như rõ rệt mười mười là hẳn sẽ không bao giờ vào được, hầu như với cách nào đó hẳn đã mạo hiểm vào lầm

trái đất, hoặc có lẽ vào làm thời đại, và giờ đây một chàng trai hai mươi tuổi phải vĩnh viễn bị trục xuất khỏi đây. Ý nghĩ này không làm hắn buồn chút nào. Hắn tự nhủ, rồi đây chả mấy lúc e mình cũng phải viết Đơn xin phép sống. Hắn chấp nhận cái ý nghĩ chết đi mà không thương hại chính mình hoặc cho loài người, cả tin rằng ít ra hắn cũng sẽ ngủ thêm một đêm nữa. Tiền phòng ngày mai hắn đã trả rồi; nhưng vẫn còn một ngày một nữa. Và sau đó hắn có thể đến các nơi mà những kẻ vô gia cư khác đến. Hắn cũng nên đến viếng Đoàn Quân Cứu Rỗi để cầu nguyện lên Chúa và Jésus (chả thương gì linh hồn con), được cứu rỗi, ăn và ngủ. Nhưng hắn biết hắn sẽ không làm vậy. Đời hắn là một đời riêng. Hắn không muốn hủy hoại sự thực đó. Chọn bất cứ một cách nào khác còn dễ coi hơn.

Bồng bềnh trên chiếc đu bay...hắn hát thầm trong đầu. Thật ngộ nghĩnh, thật khô hài hết biết. Một chiếc đu bay, bay đến Thượng Đế, hoặc đến hư vô, một chiếc đu bay đến cõi vĩnh hằng; hắn cầu xin một cách vô tư có sức màu nhiệm để bay trong duyên dáng.

Hắn nói, mình có một xu. Đó là một đồng tiền Mỹ hắn hoi, chiều nay mình sẽ mài cho đến khi nó sáng bóng lên tựa mặt trời và mình sẽ nghiên cứu các con chữ đắp nổi đó.

Bây giờ thì hắn đang đi bộ ngay trong thành phố, giữa những con người đang sống nhớn nhoe. Có một vài nơi để đến. Hắn thấy bóng mình phản ánh trên những ô cửa kính nhà hàng và tự chán ngán cho cái dáng mạo của chính mình. Hắn chẳng có vẻ mạnh khỏe tí nào như hắn thường cảm thấy; thật ra, mọi bộ phận trong cơ thể hắn đều hơi hư lệch sao ấy, này cổ này vai này tay và cả thân hình lẫn đầu gối. Hắn nói, thế này thì coi sao cho đặng chớ. Và với một nỗ lực, hắn ráp tất cả các bộ phận rời ấy lại và trở nên căng thẳng, tạo ra cái vẻ sừng sờ mà vững chắc.

Hết sức nghiêm trang, hắn rảo qua nhiều tiệm ăn, chẳng thèm liếc nhìn vào, để cuối cùng hắn bước vào một cao ốc. Hắn đi thang máy lên tầng bảy, lạng qua một sảnh đường, và, mở cửa bước vào văn phòng sở tìm việc. Ở đó, đã có khoảng hơn hai mươi thanh niên đang ngồi chờ; hắn tìm một xó và đứng đợi đến phiên mình được hạch hỏi các thứ. Mãi rồi hắn cũng được cái đặc ân vĩ đại này và một cô gái già gầy guộc, khoảng năm mươi gì đó, lơ đãng chất vấn này nọ. Cô nói, Bây giờ cho tôi biết, cậu làm được những gì nào?

Hắn lúng túng. Tôi biết viết, hắn xúc động nói.

Ý cậu muốn nói là cậu viết chữ đẹp? Phải vậy không? Cô gái sồn sồn nói.

Hắn đáp, Ờ, ờ vâng. Nhưng tôi muốn nói là tôi biết ...viết.

Cô kia hỏi gần như cáu kỉnh, Viết gì mới được chứ?

Hắn đáp giản dị: Văn.

Im lặng. Sau cùng cô kia nói:

Cậu biết đánh máy không?

Người trẻ tuổi nói, Dĩ nhiên.

Được rồi, cô kia nói tiếp, chúng tôi có địa chỉ của cậu, chúng tôi sẽ liên lạc sau. Sáng nay chả có gì ráo trọi.

Tại các sở khác cũng hết như vậy, trừ phi là hắn được chất vấn bởi những gã trẻ tuổi hợm mình giống như con heo. Rồi những sở làm, hắn lại lò dò đến các thương xá lớn: ối chà! cả đồng kiểu cách, phần hắn thì chịu nhục đôi chút, và rồi cuối cùng thì người ta cho biết là không có việc làm. Hắn không cảm thấy phật lòng chút nào, và lạ thay hắn cũng chẳng hề cảm thấy là chính hắn có dính líu vào tất cả những chuyện phi lý đó. Hắn là một người trẻ, còn sống, đang cần tiền để có thể tiếp tục tồn tại, và chẳng có cách nào để có thể có tiền ngoại trừ phải làm việc để

mà có; nhưng đâu có dễ gì, ôi chao! đó hoàn toàn là một vấn đề khó hiểu mà hắn muốn thử giải quyết lần cuối cùng. Giờ thì hắn thoải mái, thậm chí vui sướng vì mọi sự đã đến hồi kết thúc. Hắn bắt đầu nhận thấy cần phải vạch ra một nếp sống rõ rệt. Ngoại trừ một đôi phút, phần lớn đời hắn không màu mè gì lắm, nhưng giờ đây vào phút cuối hắn quyết định không còn được lơ mơ dấm dớ nữa.

Hắn đi qua vô số cửa hàng và tiệm ăn trên con đường đến Y.M.C.A.(1) nơi hắn tự tiện dùng giấy và mực. Hắn bắt đầu viết Đơn. Hắn tiếp tục soạn văn thư này hàng giờ, rồi bỗng nhiên, vì cái không khí khó chịu ở nơi này và, vì đói, hắn ngất đi. Hắn cảm thấy như đang bơi ra khỏi chính thân xác mình bằng những sải lớn. Hắn vội vã rời tòa nhà. Tại Công viên Trung ương, bên kia thư viện công cộng, hắn uống đến gần một lít nước và cảm thấy tỉnh táo. Một cụ già đứng giữa con đường lát gạch, bao quanh là chim hải âu, bồ câu và cả họa mi. Ông đang lấy từng nắm vụn bánh mì từ một bao giấy và ném cho chim với một bộ điệu hết sức hào hiệp.

Hắn lơ mơ cảm thấy muốn xin ông già một phần vụn bánh, nhưng vội gạt cái ý nghĩ tự hạ mình đó ngay; hắn bước vào Thư viện Công cộng và đọc Proust suốt cả giờ, và rồi lại cảm thấy muốn ngất xỉu nữa, hắn bèn chuồn phóng ra ngoài. Hắn tổng nước máy ngoài công viên đầy bụng và bắt đầu cuộc bộ phất phơ về phòng.

Hắn nói lấp lửng, mình sẽ đi ngủ thêm chút xíu nữa; chả có việc gì khác để làm. Bây giờ hắn biết rằng hắn đã quá mệt và yếu lả để tự dối mình là mạnh khỏe, thế nhưng dù sao đầu óc hắn vẫn có vẻ mềm dẻo và lạnh lợi. Như là một thực thể cách biệt, nó vẫn khẳng khẳng bốn cột một cách xác xược ngay trên chính cái đau thể chất của mình. Sớm chiều hắn về phòng và lập tức nấu cà phê trên cái bếp ga nhỏ. Trong hộp chẳng còn sữa, và nửa cân đường mới mua tuần trước cũng biến mất; hắn tộp một tách đen nóng, ngồi lên giường và, cười.

Hắn đã lấy cắp ở Y.M.C.A. một tá giấy viết thư, hắn định thảo một số văn thư trên đó, nhưng bây giờ thì ngay cái ý nghĩ viết cũng đủ làm cho hắn bải hoải khó chịu, chả có gì để nói. Hắn bắt đầu mài đồng xu lượm được hồi sáng, ấy thế mà cái hành động vô nghĩa này lại làm cho hắn thú vị quá trời. Không có đồng tiền Mỹ nào có thể làm cho chói sáng như đồng một xu này. Hắn phải cần bao nhiêu xu để tiếp tục sống còn? Không còn gì để bán nữa sao? Hắn nhìn quanh căn phòng trống. Không. Đồng hồ đã biến mất, sách vở cũng lằm lụi ra đi. Tất cả những cuốn sách xinh đẹp và ngọt ngào đó. Hắn cảm thấy khốn khổ và hổ thẹn vì đã phải xa lìa sách vở thân yêu.

Bộ đồ vía cũng đã mại với giá bèo hai đô, nhưng như thế cũng tạm được. Hắn chẳng hề quan tâm đến quần áo. Nhưng mấy cuốn sách thì khác. Nghĩ rằng mình đã không có sự kính trọng đối với những người viết lách khiến hắn bất bình phần nộ.

Hắn để đồng xu bóng loáng lên bàn, nhìn cận kề vào với sự khoan khoái của một tên cay cú. Hắn nói, nó cười duyên đáng làm sao. Hắn nhìn vào những chữ mà không thèm đọc. E Pluribus Unum Một Xu Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ, và lật đồng xu qua, hắn thấy Lincoln và giòng chữ, Chúng Ta Tín Thác Tự Do Nơi Chúa. 1923. Ôi đẹp làm sao, hắn reo nhỏ trong cổ họng.

Hắn trở nên mơ mơ màng màng và cảm thấy một cơn bệnh khủng khiếp đang nhiễm tràn qua dòng máu, một cảm giác buồn mưa và rã rời. Hoang mang, hắn đứng cạnh giường, chả có gì để làm ngoài việc ngủ. Rồi hắn cảm thấy như vừa bước sải qua một chất lỏng của trái đất, bơi về buổi sơ nguyên. Hắn vừa ngã úp mặt xuống giường vừa nói, Trước hết, ít ra mình cũng phải cho một đứa nhỏ nào đó đồng tiền này. Một đứa nhỏ có thể mua vô số đồ chơi các thứ với đồng một xu.

Rồi nhanh nhẹn và gọn gàng với cái duyên dáng của chàng tuổi trẻ trên một chiếc đu bay, hắn thoát khỏi xác phàm. Trong phút giây vĩnh cửu ấy, hắn là tất cả vạn vật cùng một lúc: chim, cá, loài gặm nhấm, loài bò sát, và cả người nữa. Một đại dương hình ảnh cồn sóng bất tận và tối đen ôm chầm lấy hắn. Trái đất vẫn quay, hắn nhòai bộ mặt ngỗ ngược ra bầu trời trống vắng và không còn biết gì nữa cả, không sống động, viên mãn, và hắn biết vậy.

Hết

Tim tôi ở cao nguyên

William Saroyan

Nhân vật :

Johnny

Ben Alexandre, bố của Johnny, nhà thơ

Bà nội của Johnny

Jasper Macgregor, kẻ để trái tim mình lại Cao nguyên

Kosak, chủ tiệm thực phẩm

Esther, con gái Kosak

Rufe Apley, thợ mộc

Philip Carmichael, nhân viên viện dưỡng lão

Henry, thằng bé giao báo sáng

Wiley, bưu tá

Cunningham, đại diện chủ nhà cho thuê

Hai vợ chồng trẻ tuổi và em bé

Một con chó

Không gian:

Một căn nhà nằm trên đường San Benito Avenue, Fresno, California

Cửa tiệm của Kosak

Thời gian :

Tháng 8 và tháng 11 năm 1914

Một căn nhà gỗ cũ tồi tàn, màu trắng, có cổng trước, nằm trên đường San Benito Avenue, Fresno, California. Không có căn nhà nào lân cận, chỉ duy nhất sự quanh vắng đìu hiu của quảng đất trống và bầu trời đỏ rực. Bấy giờ là xế chiều một ngày Tháng 8 năm 1914. Mặt trời đang dần lặn.

Johnny, chín tuổi, nhưng lại có vẻ như không hề có tuổi trong bản chất, đang ngồi loay hoay trên thềm cổng, xa vắng với ngoại cảnh và hoàn toàn chìm đắm trong một ý tưởng cao xa linh thánh. Từ xa, một tiếng còi tàu hụ lên buồn thảm. Nó lắng nghe, bồn chồn, đầu nghiêng về một bên như một con gà, cố nắm bắt ý nghĩa của tiếng còi tàu, đồng thời khám phá mọi sự vật. Nó không thực hiện được hoàn toàn chuyện đó, và thôi không nôn nao nữa khi tiếng còi đã dứt. Một thằng bé 14 tuổi, lưng đeo túi đựng báo, đang vừa cưỡi xe đạp vừa nhấm nháp một que kem, chạy lạng lẽ men theo lề con đường, quên đi gánh nặng trên vai và cả chiếc xe đạp, vì niềm vui khoái và sự tuyệt vời của những que kem trên trần thế. Johnny nhồm dậm, vẫy chào và nở một nụ cười thân ái, nhưng bị thằng bé phớt lờ. Nó lại ngồi xuống, lắng nghe một con chim đang say sưa hót như điên. Sau một đoạn phát biểu ngắn hùng hồn mà vô nghĩa, con chim bay đi mất.

Từ trong nhà vọng ra giọng ảo não của Bố Johnny, ông ta đang ngâm nga một tác phẩm của mình.

BỐ JOHNNY: Ngày dài cam lạng đi qua; Con tim đau đớn xót xa ưu phiền, và – *(cay đắng dừng lại)*. Và - *(nhanh hơn)* Ngày dài cam lạng đi qua; Con tim đau đớn xót xa ưu phiền, và- *(dừng lại)* Không. *(ông ta gầm lên và bắt đầu lại)*. Khóc thương lê tấm thân gầy; Thời gian trượt ngã quanh đời bơ vơ.

(Tiếng xô đẩy bàn ghế trong cơn giận dữ. Tiếng rên rỉ. Im lặng. Thằng bé lắng nghe. Nó đứng lên và cố trồng chuối ngược, thất bại, cố làm lại, thất bại, cố lần nữa, và thành công. Đang khi trồng chuối ngược, nó chợt nghe một tiếng nhạc đáng yêu và kỳ diệu nhất trên đời: tiếng sáo độc tấu. Đó là điệu khúc “Tìm tôi ở Cao nguyên”. Người thổi sáo, một ông lão rất già nua, kết thúc điệu nhạc ngay trước cổng. Thằng bé nhảy lên, chạy tới bên ông cụ, kinh ngạc, hân hoan và bối rối.)

JOHNNY: Cháu chắc chắn là rất muốn nghe ông chơi thêm một bài nữa.

MACGERGOR: Chàng trai trẻ, cậu có vui lòng mang tới một ly nước cho một ông già mà trái tim của ông ta không có ở đây, vì đã để lại ở Cao nguyên hay không?

JOHNNY: Cao nguyên nào ạ?

MACGERGOR: Cao nguyên Tô Cách Lan. Cậu vui lòng chứ?

JOHNNY: Tim của ông làm gì trên cao nguyên Tô Cách Lan hở ông?

MACGERGOR: Nó đang chịu khổ đau ở đó. Cậu sẵn lòng mang cho ta một ly nước chứ?

JOHNNY: Mẹ của ông ở đâu?

MACGERGOR: *(thốt lộ với thằng bé)* Mẹ của ta ở Tulsa, Oklahoma, nhưng tim bà không ở đó.

JOHNNY: Vậy tim của bà ở đâu?

MACGERGOR: *(gần giọng)* Ở Cao nguyên Tô Cách Lan. *(Dịu giọng)* Ta khát lắm, chàng trai trẻ ạ.

JOHNNY: Tại sao những người nhà của ông cứ luôn để lại tim mình trên Cao nguyên như vậy?

MACGERGOR: *(theo kiểu cách kịch Shakespeare)* Đó là con đường của chúng ta. Hôm nay ở đây nhưng mai đã xa rồi.

JOHNNY: *(nghiêng đầu)* Hôm nay ở đây nhưng mai đã xa rồi? *(với Macgregor)* Ý của ông là sao?

MACGERGOR: *(triết gia)* Giờ đang sống nhưng phút sau sẽ chết.

JOHNNY: Mẹ của mẹ ông ở đâu?

MACGERGOR: *(thốt lộ nhưng giận dữ)* Bà ở mạn Vermon, trong một thị trấn nhỏ gọi là White River, nhưng tim bà không ở đó.

JOHNNY: Trái tim khô héo tội nghiệp của bà cũng ở cao nguyên sao?

MACGERGOR: Ngay giữa cao nguyên. Con trai ời, ta đang chết khát đây.

(Bố Johnny ra khỏi nhà, vẻ giận dữ, như thể ông vừa thoát khỏi một lồng thú, gầm lên với Johnny như một con cọp vừa choàng tỉnh sau cơn ác mộng.)

BỐ JOHNNY: Johnny, mày có mau buông tha ông già khốn khổ đó không. Mang cho ông bình nước trước khi ông té quỵ và tiêu đời. Mày đã rút đâu cái cung cách xử sự đàng hoàng rồi hả?

JOHNNY: Chả lẽ người ta không thể tìm hiểu đôi chút về một du khách thỉnh thoảng mới xuất hiện hay sao?

BỐ JOHNNY: Mang cho ông cụ chút nước. Mẹ kiếp. Đừng có đứng nghếch ra như thằng bù nhìn. Mang ngay nước cho ông ta, tao đã bảo, trước khi ông ngã quỵ và đi đút.

JOHNNY: Bố đi mà lấy. Bố có làm gì đâu.

BỐ JOHNNY: Không làm gì? Sao, Johnny, mày biết là tao đang hình thành một bài thơ mới trong đầu mà.

JOHNNY: Sao bố lại cho là con biết điều đó? Bố chỉ đứng đó, khoanh tay bên cánh cổng.

BỐ JOHNNY: *(nổi giận)* Ồ, mày cần phải biết. *(gầm lên)* Mày là con tao mà. *(sững sờ)* Nếu mày không biết thì còn ai biết nữa?

MACGERGOR: *(nhã nhặn)* Chào ông. Con trai ông vừa cho tôi hay khí hậu ở vùng này trong lành và dễ chịu như thế nào.

JOHNNY: *(bối rối, nôn nao muốn hiểu, nghiêng đầu)* Lạy thánh Moses, mình có nói gì về khí hậu đâu. Ông ta lòi ở đâu ra thế nhỉ?

BỐ JOHNNY: *(nhà quý tộc, cao cả)* Chào ông. Ông sẽ vào nhà nghỉ một chút xíu chứ? Chúng tôi rất vinh hạnh được mời ông dùng bữa.

MACGERGOR: *(người thực tế)* Thưa ông, tôi đang đói lắm. Tôi sẽ vào ngay. *(Ông ta bước vào nhà, Johnny cản lối, ngược nhìn ông ta)*

JOHNNY: *(kẻ lãng mạn)* Ông có thể chơi bài “Đôi mắt em là nguồn hạnh phúc” được không? Cháu chắc chắn là rất muốn nghe ông chơi bài đó. Đó là bài cháu thích nhất. Cháu cho là cháu thích nó hơn bất cứ bài nào khác trên đời.

MACGERGOR: *(người không còn ảo tưởng)* Con trai ạ, khi con ở vào tuổi của ta, con sẽ hiểu rằng những bài ca không là gì cả, cái quan trọng là bánh mì.

JOHNNY: *(kẻ chân thành)* Dù sao đi nữa cháu vẫn chắc là cháu thích nghe ông chơi bài đó.

(Macgregor bước lên thềm cổng và bắt tay bố Johnny)

MACGERGOR: *(cung cách cổ điển)* Tôi là Jasper Macgregor. Tôi là một nghệ nhân.

BỐ JOHNNY: *(vui sướng)* Tôi rất vui mừng được quen biết với ông. *(Kẻ quyền uy tối thượng ra lệnh)* Johnny, mang cho ông Macgregor chút nước. *(Johnny chạy ra sau nhà)*

MACGERGOR: *(khát gần chết, thở dài, tuy nhiên nói thật lòng)* Thằng bé thật đáng yêu.

BỐ JOHNNY: *(phát biểu bình thường)* Nó là một thiên tài, giống như tôi vậy.

MACGERGOR: *(rống lên vì mệt nhọc)* Tôi đoán hẳn là ông rất yêu quý nó.

BỐ JOHNNY: *(vui sướng vì đang sống)* Chúng tôi là một. Nó là trái tim trẻ trung của tôi. Ông có nhận ra vẻ khao khát của nó không?

MACGERGOR: *(vui sướng vì vẫn còn sống)* Phải nói là có thấy.

BỐ JOHNNY: *(tự hào và giận dữ)* Tôi vẫn là tôi, dù có già hơn và kém xuất sắc hơn.

(Johnny chạy trở lại với một bình nước, trao cho ông lão. Ông già nghiêng vai ra phía sau, ngửa cổ, lỗ mũi nở rộng, ông ta khịt mũi, rồi mở to mắt, đưa chiếc bình lên môi, nốc cạn một hơi, trong khi đó hai bố con Johnny quan sát với sự ngạc nhiên và thán phục. Ông lão hít sâu một hơi, nhìn quanh, hướng về khoảng đất, rồi ngược lên nhìn bầu trời, cuối con đường San Benito, nơi mặt trời đang lặn xuống.)

MACGERGOR: *(suy ngẫm, buồn rầu; yếu ớt, nhỏ nhẹ)* Ta cho là ta đang ở cách xa nhà năm ngàn dặm. Ông có nghĩ là chúng ta nên ăn một chút bánh mì và pho mát để giữ hồn xác tôi còn gần với nhau?

BỐ JOHNNY: *(người phóng khoáng)* Johnny, chạy xuống tiệm thực phẩm và mang về một ổ bánh Pháp và một cân pho mát.

JOHNNY: *(giọng cam chịu)* Đưa tiền cho con.

BỐ JOHNNY: *(nhà thống kê, nhà thơ, tự hào)* Con biết là ta không có xu nào mà Johnny. Bảo ông Kosak cho chúng ta mua chịu.

JOHNNY: *(đưa con không sẵn lòng làm bốn phần)* Ông ta không cho đâu. Ông ta đã chán ngấy việc cho chúng ta mua chịu. Ông ta bảo chúng ta không làm việc và chả bao giờ trả nợ. Chúng ta đã nợ ông ta 40 xu rồi.

BỐ JOHNNY: *(mất kiên nhẫn, bực mình)* Đi xuống đó và tranh luận với ông ta, Johnny. Con biết đó là công việc của mình mà.

JOHNNY: *(nhà bào chữa)* Ông ta sẽ không cần biết lý do. Ông ta bảo ông ta không cần biết gì là gì hết. Những gì ông ta muốn là 40 xu.

BỐ JOHNNY: *(kẻ phóng khoáng)* Đi xuống đó và bảo với ông Kosak bán cho con một ổ bánh Pháp và một cân pho mát. *(mềm mỏng, nài nỉ, tâm bốc)* Con có thể làm được mà, Johnny.

MACGERGOR: *(mất kiên nhẫn, đói)* Hãy đi xuống đó và bảo với ông Kosak bán cho con một ổ bánh Pháp và một cân pho mát đi, con trai.

BỐ JOHNNY: Tiến lên, Johnny. Con chưa bao giờ rời cái tiệm đó mà không có thứ này hay thứ khác. Con sẽ quay về đây sau mười phút với những thức ăn xứng với một ông hoàng. *(tự chế giễu)* Hoặc ít nhất cũng xứng với một quận công gì đó.

JOHNNY: Con không biết. Ông Kosak bảo chúng ta đang viện hết có này sang có nọ. Ông ta muốn biết bố đang làm loại công việc gì.

BỐ JOHNNY: *(nổi giận)* Được, hãy lên đường và bảo với ông ta. *(Kể anh hùng)* Ta không có gì phải che giấu cả. Ta làm thơ, cả ngày lẫn đêm.

JOHNNY: *(cuối cùng xiêu lòng)* Thôi được. Nhưng con không nghĩ là sẽ gây được ấn tượng gì với ông ta đâu. Ông ta bảo bố chẳng bao giờ ra khỏi nhà và tìm kiếm việc làm. Ông ta bảo bố biếng lười và không tốt.

BỐ JOHNNY: *(gầm lên)* Mà hãy xuống đó và bảo với ngài Slovak có trái tim cao quý ấy biết rằng ông ấy điên rồi, Johnny. Mà hãy xuống đó, và nói với nhà học giả uyên thâm và con người lịch thiệp ấy biết rằng bố mày là một trong những nhà thơ vô danh lớn nhất đang còn sống sót.

JOHNNY: Ông ấy không để ý đâu, bố ạ. Nhưng con sẽ đi. Con sẽ cố hết sức mình. Chúng ta còn gì trong nhà không?

BỐ JOHNNY: *(nhạo báng, bi thảm, gầm lên)* Chỉ có bỏng ngô thôi. *(với Macgregor)* Đã bốn hôm nay chúng tôi chỉ ăn bỏng ngô. Johnny, con phải mang về bánh mì và pho mát nếu con mong muốn ta hoàn thành thiên trường thi đó.

JOHNNY: Con sẽ cố hết sức.

MACGREGOR: Đừng lâu quá nhé, Johnny. Ta đang cách xa quê nhà năm ngàn dặm.

JOHNNY: Cháu sẽ chạy suốt quãng đường, ông Macgregor ạ.

BỐ JOHNNY: *(chế giễu Thượng đế)* Nếu con nhặt được xu nào trên đường thì chúng ta chia đôi đấy nhé.

JOHNNY: *(hưởng ứng màn hài kịch)* Được thôi, bố. *(Nó chạy xuống đường)*

Bên trong cửa tiệm của ông Kosak. Ông ta đang ngủ gật, đầu gối lên cánh tay khi Johnny bước vào. Ông ta ngẩng lên. Đó là một người đàn ông lịch thiệp, nghiêm túc và đẹp đẽ, với một bộ râu

vàng hoe lớn để theo kiểu cổ. Ông ta lắc lắc đầu cho tỉnh táo lại.

JOHNNY: *(nhà ngoại giao như thường lệ)* Ông Kosak, giả sử ông ở bên Trung Quốc và chẳng có một bạn bè nào trên đời cả, cũng chẳng có một xu, hẳn ông phải mong rằng có ai đó cho ông một cân gạo, phải không ông?

KOSAK: Cậu muốn gì?

JOHNNY: Cháu chỉ muốn trò chuyện một chút. Ông hẳn mong rằng một ai đó trong nòi giống Aryan giúp đỡ ông chút đỉnh, phải không, ông Kosak?

KOSAK: Cậu có bao nhiêu tiền?

JOHNNY: Đây không phải là vấn đề tiền bạc, ông Kosak ạ. Cháu đang nói về việc sống ở Trung Quốc.

KOSAK: Ta không biết gì là gì hết.

JOHNNY: Ông sẽ cảm thấy thế nào khi ở Trung Quốc theo cách đó, ông Kosak?

KOSAK: Ta không biết, Johnny. Ta sang ở Trung quốc để làm gì chứ?

JOHNNY: Ồ, ông sẽ đi du lịch sang bên ấy. Ông sẽ bị đói và cách xa quê nhà năm ngàn dặm, lại chẳng có bạn bè nào trên đời cả. Ông hẳn không mong đợi một ai đó từ chối ông dù chỉ là một cân gạo mà, phải không ông?

KOSAK: Ta cho là không, nhưng cậu không ở Trung Quốc, Johnny, và cả bố cậu cũng thế. Hai bố con cậu phải ra ngoài tìm công ăn việc làm lúc nào đó trong đời, vì vậy cả hai nên khởi sự ngay bây giờ thì hơn. Ta sẽ không cho cậu mua chịu nữa, vì ta biết cậu không bao giờ trả nợ.

JOHNNY: Ông Kosak, ông đã hiểu lầm cháu rồi. Giờ đã là năm 1914, đâu còn là năm 1913 nữa. Cháu không nói về một thứ thức ăn nào đó. Cháu đang nói về tất cả bọn người ngoại đạo xung quanh ông ở Trung Quốc, còn ông thì đang đói và gần chết đến nơi.

KOSAK: Đây không phải là Trung quốc. Cậu phải ra ngoài và kiếm sống ở đất nước này. Ở Hoa Kỳ này ai ai cũng phải làm việc cả.

JOHNNY: Ông Kosak, cứ cho là chỉ cần một ổ bánh và một cân pho mát để giúp ông sống sót trên đời, ông cũng e ngại khi hỏi xin một nhà truyền giáo Thiên Chúa những thứ đó hay sao?

KOSAK: Phải, ta e ngại. Ta rất xấu hổ nếu phải xin.

JOHNNY: Ngay cả khi ông biết rằng ông sẽ trả lại cho ông ta hai ổ bánh và hai cân pho mát thay

vì chỉ một ổ bánh và một cân phó mát? Ngay cả như vậy sao, ông Kosak?

KOSAK: Ngay cả như vậy.

JOHNNY: Đừng như vậy, ông Kosak ạ. Đó là cách nói của người chủ bại, ông biết mà. Sao chứ, điều duy nhất xảy ra cho ông là ông sẽ chết. Ông sẽ chết mòn ở đó, ở Trung Quốc, ông Kosak ạ.

KOSAK: Ta chẳng quan tâm ta sẽ ra sao. Hai bố con cậu phải trả tiền bánh và phó mát. Sao bố con cậu không đi tìm việc làm đi?

JOHNNY: *(nhanh chóng từ bỏ cuộc tấn công trí tuệ bằng cuộc tấn công vào tình người)* Ông Kosak, ông khỏe chứ?

KOSAK: Ta khỏe, Johnny. Còn cậu?

JOHNNY: Không thể nào tốt hơn nữa, ông Kosak ạ. Bọn trẻ ra sao?

KOSAK: Tất cả bọn chúng đều tốt cả, Johnny. Stephan bắt đầu tập đi rồi.

JOHNNY: Tuyệt quá. Thế còn Angela?

KOSAK: Angela bắt đầu tập hát. Bà nội cậu khỏe chứ, Johnny?

JOHNNY: Bà khỏe. Bà cũng đang bắt đầu tập hát. Bà bảo bà thà làm một ca sĩ opera còn hơn là làm Nữ hoàng Anh Quốc. Còn bà Martha vợ ông thì sao, ông Kosak?

KOSAK:Ồ, tốt lắm.

JOHNNY: Cháu không thể nói với ông cháu vui sướng như thế nào khi nghe rằng ở nhà ông mọi sự đều tốt đẹp. Cháu biết một ngày nào đó Stephan sẽ trở thành một vĩ nhân.

KOSAK: Ta hy vọng là vậy. Ta sẽ cho nó đi học ở trường trung học, để nó có những cơ may mà ta không có. Ta không muốn nó gặp bất cứ rắc rối gì trong đời cả.

JOHNNY: Cháu có một niềm tin lớn vào Stephan, ông Kosak ạ.

KOSAK: Cậu muốn gì, Johnny, và cậu có bao nhiêu tiền?

JOHNNY: Ông Kosak, ông biết là cháu không đến đây để mua gì cả. Ông biết là cháu rất thích thỉnh thoảng có một cuộc tán gẫu triết lý nho nhỏ với ông. *(Nhanh, nài nỉ)* Hãy cho cháu một ổ bánh Pháp và một cân phó mát.

KOSAK: Cậu phải trả tiền mặt đấy, Johnny.

JOHNNY: Còn Esther? Cô con gái rượu xinh xắn của ông ra sao, ông Kosak?

KOSAK: Nó vẫn khỏe, Johnny, nhưng cậu phải trả tiền mặt. Cậu và bố cậu là những công dân tồi tệ nhất thị trấn này đấy.

JOHNNY: Cháu mừng là Esther vẫn khỏe, ông Kosak ạ. Jasper Macgregor đang tới chơi ở nhà cháu. Ông ấy là một nghệ sĩ lớn.

KOSAK: Chưa hề nghe tên ông ấy.

JOHNNY: Và một chai bia cho ông Macgregor nữa.

KOSAK: Ta không thể bán chịu bia cho cậu.

JOHNNY: Chắc chắn là ông có thể mà.

KOSAK: Ta không thể. Ta sẽ đưa cho cậu một ổ bánh và một cân phó mát, nhưng chỉ có thể mà thôi. Nếu như bố cậu làm việc, ông ta làm loại công việc gì thế, Johnny?

JOHNNY: Bố cháu làm thơ, ông Kosak ạ. Đó là công việc duy nhất của bố cháu. Ông ấy là một trong những nhà thơ lớn nhất trên đời.

KOSAK: Khi nào thì ông ấy kiếm được chút tiền?

JOHNNY: Ông ấy chưa bao giờ kiếm được chút tiền nào. Người ta không thể đứng núi này trông núi nọ, phải không ông.

KOSAK: Ta chẳng thích loại công việc đó chút nào. Tại sao bố cậu không làm việc như mọi người khác, Johnny?

JOHNNY: Bố cháu làm việc vất vả hơn bất cứ người nào khác. Bố cháu làm việc vất vả gấp đôi một người bình thường.

(Kosak trao cho Johnny một ổ bánh Pháp và một cân phó mát)

KOSAK: Được rồi, vậy là cậu nợ ta 55 xu đấy nhé, Johnny. Lần này ta cậu chịu, nhưng sẽ không bao giờ lặp lại nữa đâu.

JOHNNY: *(ở cửa)* Bảo Esther cháu yêu cô ấy. *(Johnny chạy khỏi cửa tiệm. Kosak vờ một con ruồi,*

hụt, vồ lại lần nữa, lại hụt, và như để phản kháng lại thế giới bằng cung cách này, ông ta đuổi theo con ruồi vòng quanh phòng, cố tóm lấy nó.)

Căn nhà. Bố Johnny và ông lão đang trông xuống đường để chờ xem Johnny có mang thức ăn về không. Bà nội của nó đứng trên thềm cổng cũng nôn nóng muốn biết có được thứ gì để ăn không.

MACGREGOR: Ta cho là nó sẽ mang về đôi thứ gì đấy.

BỐ JOHNNY: *(tự hào)* Dĩ nhiên là sẽ có. *(Ông ta vẫy gọi bà cụ đang đứng ở cổng để bà vào nhà dọn bàn. Johnny chạy về tới.)* Ta biết là con sẽ làm được mà.

MACGREGOR: Ta cũng thế.

JOHNNY: Ông ta bảo chúng ta phải trả 55 xu. Ông ta bảo sẽ không cho chúng ta mua chịu thêm bất cứ thứ gì nữa.

BỐ JOHNNY: Đó là ý kiến của ông ta. Con đã nói chuyện gì thế?

JOHNNY: Đầu tiên con nói về việc bị đói và sắp chết tới nơi ở Trung Quốc. Rồi con hỏi thăm về gia đình.

BỐ JOHNNY: Mọi người ra sao?

JOHNNY: Tốt cả. Tuy nhiên, con chẳng thấy tiền bạc gì hết, ngay cả một xu teng.

BỐ JOHNNY: Ồ, thế là ổn rồi. Tiền không phải là tất cả. *(Họ đi vào nhà)*

Phòng ăn. Mọi người ngồi quanh bàn sau bữa ăn. Macgregor tìm kiếm những mẩu vụn thức ăn rải rác đây đó, rồi ông ta khẽ khàng cho vào miệng. Ông ta nhìn quanh phòng xem có còn gì để ăn nữa không.

MACGREGOR: Cái thùng xanh ở đằng kia có gì bên trong vậy, Johnny?

JOHNNY: Mấy viên bi.

MACGREGOR: Cái bình, Johnny. Trong đó có gì ăn được hay không?

JOHNNY: Mấy con dế.

MACGREGOR: Còn cái chậu ở góc nhà. Trong đó có gì vui vẻ chứ, Johnny?

JOHNNY: Cháu nuôi một con rắn nước trong đó.

MACGREGOR: Tốt, ta rất khoái được thưởng thức một ít thịt rắn luộc đấy, Johnny.

JOHNNY: *(ngang bướng, người bảo vệ thú vật)* Không có gì cả, ông Macgregor.

MACGREGOR: Tại sao không, Johnny? Vì cái lý do chết tiệt nào vậy, con trai? Ta có nghe nói rằng những thổ dân của đảo Borneo xinh đẹp thường ăn rắn và cào cào. Chắc là con phải có nửa tá cào cào mập ú quanh đầu đây nữa phải không, Johnny?

JOHNNY: Chỉ có bốn con thôi.

MACGREGOR: Ồ, mang chúng ra đây, con trai, và sau khi chúng ta no bụng, ta sẽ chơi bài “Đôi mắt em là nguồn hạnh phúc” cho con nghe. Ta hãy còn đói lắm, Johnny.

JOHNNY: Cháu cũng vậy, nhưng cháu không muốn bất kỳ ai giết những con vật vô tội này. Chúng cũng có quyền sống như bất cứ người nào khác.

BỐ JOHNNY: Ông sẽ chơi một lát chứ. Tôi đoán là thằng bé sẽ rất vui sướng.

JOHNNY: *(nhảy căng lên)* Chắc chắn là cháu rất vui, ông Macgregor.

MACGREGOR: Thôi được, Johnny. Bánh mì. Bánh mì. Lạy Chúa, sao mà nó gây hấn với trái tim mới hung hăng làm vậy. *(Ông ta đứng lên và bắt đầu thổi vào ống sáo. Ông thổi lớn hơn, tuyệt diệu hơn và buồn thảm hơn bất cứ người nào từng thổi sáo. Mười tám người hàng xóm tụ tập phía trước cổng reo lên hoan hô khi ông kết thúc bài nhạc solo “Đôi mắt em là nguồn hạnh phúc”)*

BỐ JOHNNY: *(vui sướng, hài hước)* Tôi muốn ông tiếp xúc với những khán giả của ông. *(họ đi ra cổng)*

Căn nhà. Đám đông hướng về bố Johnny, Macgregor và Johnny.

BỐ JOHNNY: Hỡi những láng giềng và bạn tốt của tôi, tôi muốn các bạn gặp gỡ ông Macgregor, nhà kịch sĩ Shakespeare vĩ đại nhất của thời đại chúng ta. *(dừng lại)* Tôi tin như thế.

MACGREGOR: *(nhà nghệ sĩ)* Tôi còn nhớ lần ra mắt đầu tiên của tôi ở London vào năm 1891 như thể nó vừa xảy ra ngày hôm qua. Lúc đó, tôi là một thằng nhóc xuất thân từ khu ổ chuột Glasgow. Vai đầu tiên của tôi là một gã liên lạc trong một vở kịch mà không may tôi quên mất tên rồi. Tôi chẳng được nói một câu thoại nào, nhưng di chuyển khá là nhộn, chạy từ quan chức

này tới quan chức kia, từ một kẻ đang yêu tới người y yêu dấu, rồi ngược lại, và cứ chạy đi chạy lại mãi như thế.

RUFÉ APLEY: *(Tiếc vì phải cắt ngang lời diễn thuyết hùng hồn)* Ông sẽ chơi thêm một bài khác chứ, ông Macgregor?

MACGREGOR: Anh còn quả trứng nào ở nhà chứ?

RUFÉ APLEY: Chắc chắn là có. Ở nhà tôi còn một tá trứng.

MACGREGOR: Thế có tiện cho anh không nếu quay về và mang tới đây một trong số chục trứng đó? Khi anh trở lại, ta sẽ chơi một bài làm cho tim anh run lên vì thâm sâu và vui sướng.

RUFÉ APLEY: Tôi sẽ đi ngay. *(anh ta đi)*

MACGREGOR: *(với đám đông)* Các bạn của tôi, tôi rất vui lòng chơi một bài khác bằng cái ống sáo khảm vàng này, nhưng thời gian và quãng đường xa từ quê nhà tới đây đã làm tôi mệt mỏi. Nếu các bạn sẵn lòng để trở về nhà, từng bạn một, và rồi quay lại đây với một thứ thức ăn gì đó, tôi sẽ lấy làm tự hào mà tập trung hồn phách lại để chơi một bài nhạc, mà tôi biết sẽ làm đổi hướng cuộc đời các bạn, và xin hãy nhớ, là thay đổi nó, theo hướng tốt hơn. *(Mọi người đi. Người cuối cùng là Esther Kosak, nó nghe cho đến hết bài diễn thuyết rồi chạy đi. Macgregor, hai bố con Johnny ngồi trên bậc thềm, yên lặng. Rồi lần lượt từng người quay trở lại, mang theo thức ăn cho Macgregor: một quả trứng, một thỏi xúc xích, một tá củ hành, hai thứ phó mát, bơ, hai thứ bánh mì, khoai luộc, cà chua tươi, một trái dưa hấu, trà, và nhiều món ăn ngon lành khác)* Cảm ơn, các bạn của tôi, cảm ơn. *(Ông lão đứng trang nghiêm, chờ cho im lặng hoàn toàn, người vươn thẳng, nhìn quanh một cách giận dữ, đưa ống sáo lên môi và bực dọc vì Esther trở lại một cách vội vã, ồn ào, nó mang tới một trái cà tím. Khi đã lặng im, ông ta chơi bài "Tìm tôi ở Cao nguyên, tìm tôi không ở nơi này". Mọi người khóc nức nở, quỳ xuống, đồng ca, rồi ra về. Macgregor quay sang hai bố con. Trang trọng.)* Thưa ông, nếu tất cả những thứ này cũng là của ông, tôi mong sẽ được tá túc thêm một ít lâu ở nhà ông trước lúc lên đường.

BỐ JOHNNY: *(vui sướng và bối rối)* Thưa ông, nhà tôi cũng là nhà của ông. *(Họ đi vào nhà)*

Phòng ăn. Mười tám ngày sau, Macgregor nằm ngửa mặt trên sàn nhà, đang ngủ. Johnny lặng lẽ đi lại trong phòng, nhìn mọi người. Bố nó ngồi ở bàn, làm thơ. Bà nội nó đang ngồi trên chiếc ghế đu. Có tiếng gõ cửa, mọi người nhồm lên chạy tới cửa, trừ Macgregor.

BỐ JOHNNY: Sao, ai đó?

CHÀNG TRAI: Tôi tới tìm ông Macgregor, nhà nghệ sĩ.

BỐ JOHNNY: Ông muốn gì?

JOHNNY: Phải đấy, bố, dù sao cũng phải hỏi anh ta.

BỐ JOHNNY: Ờ, tất nhiên rồi. Xin lỗi, mời ông vào nhà.

(Chàng trai đi vào.)

CHÀNG TRAI: Tôi là Philip Carmichael. Tôi đến từ viện dưỡng lão. Người ta cử tôi đến để đưa ông Macgregor về nhà.

MACGREGOR: *(thức giấc và ngồi dậy)* Nhà? Có ai vừa nói tới nhà, phải không? *(gầm lên)* Ta cách xa nhà năm ngàn dặm, đã luôn luôn như thế, và cũng sẽ là thế mãi. Chàng trai trẻ này là ai?

CHÀNG TRAI: Ông Macgregor, tôi là Philip Carmichael, người của Viện dưỡng lão. Họ cử tôi đến để đưa ông về. Hai tuần nữa chúng tôi sẽ tiến hành cuộc trình diễn thường niên và cần có ông đóng vai chủ đạo.

MACGREGOR: *(đứng lên với sự giúp đỡ của hai bố con Johnny)* Đó là loại vai gì thế? Ta không còn đóng được những vai trẻ trung mạo hiểm đâu.

CHÀNG TRAI: Đó là vai Vua Lear, ông Macgregor. Nó rất hợp với ông.

MACGREGOR: *(nhà nghệ sĩ có việc làm trở lại)* Tạm biệt, các bạn yêu dấu của ta. *(Ông ta quay lại từ cổng)* Trong tất cả những khoảnh khắc của đời ta, ở tất cả mọi nơi ta từng đến, chưa bao giờ và không có nơi nào ta từng có niềm vinh hạnh và nỗi sướng vui được tiếp xúc với những tâm hồn cao quý, trong sạch và dào dạt niềm vui như ở nhà các bạn. Tạm biệt.

(Ông lão và chàng trai rời khỏi căn nhà. Một khoảnh khắc im lặng đầy tiếc nuối và cô đơn.)

BỐ JOHNNY: *(đói, lớn tiếng)* Johnny, đi xuống tiệm ông Kosak và mang về chút gì ăn. Ta biết con làm được mà, Johnny. Hãy mang về bất cứ cái gì.

JOHNNY: *(đói, lớn tiếng, giận dữ)* Ông Kosak muốn có 85 xu. Ông ta sẽ không cho mua chịu bất cứ thứ gì nữa.

BỐ JOHNNY: Hãy đi đi, Johnny. Con biết là con sẽ làm cho nhà quý tộc tốt bụng người Slovak đó đưa cho chúng ta chút gì để ăn mà.

JOHNNY: *(tuyệt vọng)* Ồ, bố.

BỐ JOHNNY: *(kinh ngạc, gầm lên)* Sao? Mà, con trai của ta, lại có cái vẻ yếu đuối như vậy! Thôi

nào. Ta đã chiến đấu với thế giới theo cách đó trước khi con ra đời. Sau khi con sinh ra, chúng ta cùng nhau chiến đấu, và chúng ta sẽ còn tiếp tục chiến đấu với nó như thế mãi. Người ta yêu thơ, nhưng không hiểu nó, chỉ có vậy thôi. Không có cái gì ngăn cản được chúng ta, Johnny. Đi xuống dưới đó ngay, và kiếm gì về để chúng ta ăn.

JOHNNY: Được rồi, bố. Con sẽ cố hết sức. *(Nó chạy ra cửa.)*

Căn nhà. Giờ có treo một tấm biển lớn: "Cho thuê". Đó là một khoảnh khắc trước lúc rạng đông của một ngày đầu tháng 11 năm 1914. Đã có những dấu hiệu của mùa Đông đang tới. Cao cao trên bầu trời một đàn ngỗng bay về Nam kêu lúu rúu. Johnny ngồi phía trước cổng, tay chống vào cửa. Nó nghe thấy tiếng ngỗng kêu, chăm chú lắng nghe, nhồm lên và ngẩng đầu nhìn chúng. Tiếng kêu nhỏ dần rồi tắt hẳn. Johnny quay lại chiếc cổng, ngồi xuống. Khi mặt trời mọc, một nụ cười trang trọng, rạng rỡ hiện lên trên nét mặt nó. Nó liếc nhìn tia nắng qua khe mắt như thể đó là một người bạn thân lặng lẽ mà nó hoàn toàn thấu hiểu. Khi ánh sáng rạng dần, trò chơi giữa Johnny và mặt trời cũng tăng theo, như một chuỗi nhạc, làm nó nhón chân lên, quay mặt về phía ánh sáng. Nó giơ cao đôi cánh tay, và rất nghiêm trang khởi sự thực hiện một cú nhào lộn. Rồi nó chạy tung tăng vòng quanh nhà và trở lại từ phía bên kia, gần như đang nhảy múa.

Một chuyến tàu chở hàng chạy qua, không xa lắm, làm rung động mặt đất. Ánh bình minh rạng dần.

Một thằng bé giao báo sáng đang vừa đi bộ tới, vừa huýt sáo. Nó là một kiểu mẫu của những tay giao báo sáng vùng tỉnh lẻ: khoảng mười ba tuổi. Nó có vẻ già dặn và đáng hoàng của những người đã mang trọng trách. Các túi báo đã rỗng không. Đêm đã qua rồi. Nó đã kiếm được khoản tiền công nhật. Những tờ báo đã được đặt trên thềm cửa của các bạn đọc. Một ngày mới đã tới với trần gian. Nó đã đi bộ suốt hai tiếng đồng hồ cho đến sáng qua những đường phố tối. Khúc nhạc nó huýt sáo thật dịu dàng và đầy thông cảm. Đó là một khúc nhạc do nó tự ứng tác, một khúc ca chào buổi sáng.

JOHNNY: *(chạy xuống bậc thềm)* Chào cậu.

THẮNG BÉ: *(đứng lại)* Chào cậu.

JOHNNY: Đó là bài gì vậy?

THẮNG BÉ: Bài nào?

JOHNNY: Bài cậu vừa huýt sáo đấy.

THĂNG BÉ: Tớ vừa huýt sáo à?

JOHNNY: Thật mà. Cậu không biết hay sao?

THĂNG BÉ: Tớ cho là mình thường huýt sáo luôn mồm.

JOHNNY: Thế đó là bài gì?

THĂNG BÉ: Tớ không biết.

JOHNNY: Tớ ước gì tớ cũng huýt sáo được.

THĂNG BÉ: Ai cũng có thể huýt sáo được.

JOHNNY: Tớ không thể. Cậu làm như thế nào?

THĂNG BÉ: Không làm thế nào cả. Cậu chỉ việc huýt thôi.

JOHNNY: Như thế nào?

THĂNG BÉ: Như thế này. *(Nó huýt một lúc, rõ là đã ứng khẩu một cách tài tình)*

JOHNNY: *(thán phục)* Ước gì tớ có thể làm như thế.

THĂNG BÉ: *(hài lòng và nôn nóng gây một ấn tượng mạnh hơn)* Có gì đâu. Hãy nghe đây nhé. *(Nó huýt một điệu nhạc vui có bè hai giọng và có nhấn nhịp)*

JOHNNY: Cậu dạy cho tớ chứ?

THĂNG BÉ: Người ta không thể dạy huýt sáo. Cậu chỉ việc huýt thôi. Đây là một kiểu khác. *(Nó huýt một điệu khúc vui, theo phong cách ồn ào của giới trẻ hiện đại, nhưng nó làm cho dịu nhẹ đi.)*

JOHNNY: *(cố thử huýt)* Như thế này à?

THĂNG BÉ: Đó là cách khởi đầu. Cậu cứ giữ như thế, một lúc sau miệng cậu sẽ có hình dáng đúng và cậu sẽ huýt được mà không tự biết nữa kia.

JOHNNY: Thật chứ?

THĂNG BÉ: Chắc chắn mà.

JOHNNY: Mẹ cậu chết rồi phải không?

THĂNG BÉ: Sao cậu biết?

JOHNNY: Mẹ tớ cũng đã chết.

THĂNG BÉ: Thế à?

JOHNNY: *(thở dài)* Vâng. Bà đã chết rồi.

THĂNG BÉ: Tớ không nhớ mẹ tớ. Cậu nhớ mẹ cậu chứ?

JOHNNY: Không chính xác là nhớ. Đôi khi tớ nằm mơ thấy mẹ tớ.

THĂNG BÉ: Trước kia tớ cũng vậy.

JOHNNY: Thế cậu không còn mơ thấy mẹ nữa sao?

THĂNG BÉ: *(người không còn ảo tưởng)* À... à... vâng. Thế các giấc mơ tốt cho cậu chứ?

JOHNNY: Mẹ tớ chắc chắn là rất xinh đẹp.

THĂNG BÉ: Vâng, tớ biết. Tớ nhớ. Cậu có bố chứ?

JOHNNY: *(tự hào)* Ồ, chắc chắn rồi. Ông ấy đang ở trong nhà, đang ngủ.

THĂNG BÉ: Bố tớ cũng đã chết rồi.

JOHNNY: Cả bố cậu nữa sao?

THĂNG BÉ: *(xác nhận)* Vâng. *(Chúng bắt đầu chuyền cho nhau một quả tennis cũ.)*

JOHNNY: Thế cậu còn có ai thân thích nữa không?

THĂNG BÉ: Tớ có một bà cô, nhưng bà ấy không thực sự là cô tớ. Tớ lớn lên ở trại mồ côi. Tớ được nhận làm con nuôi.

JOHNNY: Trại mồ côi là gì?

THĂNG BÉ: Đó là một nơi mà bọn trẻ con không cha không mẹ sống cho đến lúc chúng được ai đó nhận làm con nuôi.

JOHNNY: Cậu nói nhận làm con nuôi, nghĩa là sao?

THĂNG BÉ: Một người nào đó muốn có một thằng bé hay con bé sẽ đến trại mồ côi và ngắm nghĩa chọn lựa, sau đó họ mang theo một đứa mà họ thích. Nếu họ chọn cậu, cậu đến ở với họ.

JOHNNY: Cậu có thích điều đó không?

THĂNG BÉ: Thế cũng tốt thôi. *(Nó cất quả bóng)*

JOHNNY: Tên cậu là gì?

THĂNG BÉ: Henry. Còn cậu?

JOHNNY: Johnny.

THĂNG BÉ: Cậu muốn lấy một tờ báo không? Đang có chiến tranh ở Châu Âu đấy.

JOHNNY: Tớ không có tiền. Chúng tớ không giàu. Chúng tớ không làm việc. Bố tớ làm thợ.

THĂNG BÉ: *(đưa cho Johnny tờ báo thừa)* Ồ, chẳng sao đâu, cậu đã bao giờ có tiền chưa?

JOHNNY: Lâu lâu. Có lần tớ nhặt được đồng 25 xu. Nó nằm trên lề đường, ngay phía trước tớ. Lần khác, bố tớ nhận một tờ séc 10 đô la từ New York gửi tới. Nhà tớ mua một con gà và thật nhiều tem, giấy và phong bì. Thế nhưng con gà không đẻ trứng, vì vậy bà tớ thịt nó cho cả nhà ăn. Cậu có bao giờ ăn thịt gà chưa?

THĂNG BÉ: Chắc chắn rồi. Tớ cho là tớ đã ăn thịt gà sáu bảy lần rồi.

JOHNNY: Sau này lớn lên cậu sẽ làm gì?

THĂNG BÉ: Chắc. Tớ cũng không biết nữa. Tớ không biết tớ sẽ làm gì.

JOHNNY: *(tự hào)* Tớ sẽ là nhà thơ như bố tớ. Bố tớ bảo thế.

THĂNG BÉ: Tớ cho là tớ phải đi giao báo một thời gian nữa. *(Nó cất bước)* Thôi, chào nhé.

JOHNNY: Cậu có tới đây nữa không?

THĂNG BÉ: Sáng nào tớ cũng đi ngang qua đây, khoảng giờ này. Nhưng trước đây tớ chưa bao giờ gặp cậu.

JOHNNY: *(mỉm cười)* Tớ nằm mơ, rồi khi thức giấc tớ không muốn ngủ nữa. Tớ muốn dậy và ra ngoài này. Tớ đã mơ thấy mẹ tớ.

THĂNG BÉ: Có thể tớ sẽ gặp lại cậu một sớm mai nào đó khi cậu không ngủ được.

JOHNNY: Tớ hy vọng là thế. Chào nhé.

THĂNG BÉ: Chào cậu. Cứ cố như thế và cậu sẽ biết huýt sáo trước khi cậu nhận ra.

JOHNNY: Cảm ơn. *(Thăng bé vừa đi vừa huýt sáo. Johnny tung cuộn báo lên chỗ cổng rồi ngồi xuống bậc thềm. Bà nội nó ra với một cây chổi và bắt đầu quét.)*

BÀ NỘI JOHNNY: *(nói tiếng Armenia, là thứ tiếng duy nhất bà biết, với một số từ pha trộn tiếng Thổ, Kudish và vài từ Ả rập, mà dường như không ai xung quanh hiểu cả.)* Cháu khỏe chứ, cháu cưng?

JOHNNY: *(biết tiếng Armenia, nhưng hầu như chưa bao giờ nói, nói tiếng Anh)* Cháu khỏe.

BÀ NỘI JOHNNY: Còn bố cháu?

JOHNNY: Cháu không biết. *(gọi to)* Ồ, bố ời, bố khỏe không? *(ngừng, gọi tiếp)* Bố ời. *(ngừng. Im lặng)* Cháu cho là bố còn đang ngủ.

BÀ NỘI JOHNNY: Còn tí tiền nào không?

JOHNNY: Tiền à? *(lắc đầu)* Không.

BỐ JOHNNY: *(từ phía trong nhà)* Johnny?

JOHNNY: *(nhồm lên)* Bố ạ?

BỐ JOHNNY: Con vừa gọi phải không?

JOHNNY: Vâng. Bố khỏe không?

BỐ JOHNNY: Tốt. Còn con?

JOHNNY: Tốt, bố ạ.

BỐ JOHNNY: Con đánh thức bố chỉ vì thế thôi sao?

JOHNNY: *(với bà)* Bố cháu khỏe. *(Nói to với bố)* Quý phu nhân già muốn biết bố có khỏe không.

BỐ JOHNNY: *(nói tiếng Armenia với bà cụ)* Chào mẹ. *(với Johnny bằng tiếng Anh)* Con nói già là sao? Bà chưa già lắm đâu.

JOHNNY: Con không có ý nói là già. Bố biết ý con mà.

(Bố Johnny vừa đi ra cổng, vừa cài nút áo, gật đầu chào bà cụ, nhìn mặt trời qua khe mắt hẹp như kiếu của Johnny, mỉm cười cũng theo kiếu của nó, duỗi chân tay, quay mặt về hướng mặt trời và làm một cú lộn nhào, nhưng không khá lắm. Cú lộn nhào làm ông té ngửa ra.)

JOHNNY: Bố cần tập thể dục nhiều thêm một chút bố ạ. Bố cứ ngồi suốt buổi.

BỐ JOHNNY: *(nằm ngửa)* Johnny, bố của con là một nhà thơ lớn. Ta có thể không nhào lộn giỏi bằng con, nhưng nếu con muốn biết ta là một vận động viên cừ khôi cỡ nào, cứ đọc bài thơ ta vừa viết hôm qua.

JOHNNY: Nó hay thật hử bố?

BỐ JOHNNY: Hay à? *(Ông ta nhồm lên như một vận động viên nhào lộn)* Phải nói là tuyệt vời. Ta cũng sẽ gửi nó cho tờ nguyệt san Atlantic.

JOHNNY:Ồ, con quên khuấy mất, bố, trên cổng có một tờ báo đấy.

BỐ JOHNNY: Ý con là một tờ báo buổi sáng hử Johnny?

JOHNNY: Vâng ạ.

BỐ JOHNNY: Chà, thật là một sự bất ngờ thú vị. Con đào đâu ra vậy?

JOHNNY: Henry cho con.

BỐ JOHNNY: Henry? Henry là ai thế?

JOHNNY: Cậu ấy là người không cha không mẹ. Cậu ấy còn biết huýt sáo nữa cơ.

BỐ JOHNNY: *(nhặt tờ báo, mở ra)* Hẳn nhiên đó là một cậu bé tốt bụng. *(Ông ta chìm vào các đề mục của tờ báo)*

BÀ NỘI JOHNNY: *(với cả hai bố con, với chính mình, với cả thế giới)* Cái ông già ấy đâu rồi?

BỐ JOHNNY: Dạ..ạ?

JOHNNY: Ai ạ?

BÀ NỘI JOHNNY: Cháu biết mà. Cái ông lão thối tù và ấy mà. *(Bà làm điệu bộ thối tù và)*

JOHNNY: A, ông Macgregor phải không? Họ mang ông ấy về viện dưỡng lão rồi bà ạ.

BỐ JOHNNY: *(đọc thành tiếng)* Áo. Đức. Pháp. Anh. Nga. Tàu chiến. Tàu ngầm, Xe tăng. Súng máy. Bom. *(lắc đầu)* Bọn chúng lại nổi điên nữa rồi.

BÀ NỘI JOHNNY: *(với Johnny, vẻ khiển trách)* Bé con, sao con không nói tiếng Armenia?

JOHNNY: Cháu nói không được, bà ạ.

BỐ JOHNNY: *(với Johnny)* Có chuyện gì?

JOHNNY: Bà muốn hỏi về ông Macgregor.

BÀ NỘI JOHNNY: *(với bố Johnny)* Ông ta đâu?

BỐ JOHNNY: *(tiếng Armenia)* Ông ấy đã trở lại viện dưỡng lão.

BÀ NỘI JOHNNY: *(lắc đầu)* Ôi chao, tên tù nhân già tội nghiệp.

JOHNNY: Nó giống như nhà tù hở bố?

BỐ JOHNNY: Ta không biết chắc, con trai ạ.

BÀ NỘI JOHNNY: *(phẫn nộ, giống kiểu của con trai và cháu của bà khi bức tức)* Tại sao ông ấy không quay lại sống ở đây, nơi đây mới là chỗ của ông ta? *(Bà đi vào nhà.)*

JOHNNY: Phải đấy, bố. Sao ông Macgregor không quay lại và sống ở đây. Ông ấy có bắt buộc phải ở chỗ đó không?

BỐ JOHNNY: Nếu con là một ông già, rất già, và không có ai thân thuộc, cũng chẳng có tiền, con phải sống ở đó, Johnny ạ.

JOHNNY: Con đoán là đôi khi ông ấy thấy cô đơn lắm. Bố có cho là vậy không, bố?

BỐ JOHNNY: Thực lòng ta cho là vậy, Johnny.

JOHNNY: Lúc nào con cũng nhớ ông, nhất là tiếng nhạc. Cả cái cách ông uống nước nữa.

BỐ JOHNNY: Ông ấy là một con người vĩ đại.

JOHNNY: Có thật là tim của ông ấy để ở cao nguyên như ông ấy nói không bố?

BỐ JOHNNY: Không chính xác là như thế.

JOHNNY: Thế có thật là ông ở cách xa nhà năm ngàn dặm?

BỐ JOHNNY: Ít nhất cũng như thế con ạ.

JOHNNY: Bố có nghĩ là một ngày nào đó ông ấy sẽ trở về nhà không?

BỐ JOHNNY: Ông ấy đã già, Johnny, ông ấy sẽ trở về nhà.

JOHNNY: Ý bố là ông sẽ lên một chiếc tàu hoả, một con tàu và quay lại chốn cao nguyên ấy, có phải không?

BỐ JOHNNY: Không phải thế, Johnny. Có một chút xíu khác biệt. Ông ấy sẽ chết.

JOHNNY: Đó là cách duy nhất để một người trở về nhà sao bố?

BỐ JOHNNY: Đó là cách duy nhất.

(Suốt thời gian đó, dĩ nhiên là bố Johnny tiếp tục lật tờ báo, và Johnny vẫn nhào lộn theo nhiều kiểu, đi lắt léo trên đường ray cống, nhảy xuống, nhào lộn, trồng cây chuối và cứ như vậy. Một số câu hỏi của nó đặt ra trong lúc nó đang trồng chuối ngược. Từ xa, có tiếng còi vọng đến.)

JOHNNY: *(nôn nóng)* Đó là ông Wiley, người phát thư, bố ạ. *(Bố Johnny nhồm lên, đánh rơi tờ báo.)*

JOHNNY: Bố có nghĩ là mình sẽ nhận được một lá thư từ New York không bố, có lẽ còn kèm theo một tờ chi phiếu nữa.

BỐ JOHNNY: Bố không biết, Johnny.

(Ông Wiley chạy xe đạp tới, ông ta gần như dừng xe ngay sát bên hai bố con Johnny.)

WILEY: *(nhảy xuống xe như thể nó là một con ngựa)* Chào ông, Alexander.

BỐ JOHNNY: Chào ông, ông Wiley.

JOHNNY: Có thư nào cho chúng cháu không ông Wiley?

WILEY: *(lôi một xấp thư từ cái túi ra, tháo dây và tìm kiếm)*Ồ, để xem, Johnny. Bác cho là bác có một thứ mang đến cho bố cháu.

JOHNNY: Có phải từ New York không ạ?

WILEY: *(cầm một phong bì dày)* Phải, Johnny. Chà, ông Alexander, có vẻ là mùa đông đã đến rồi. Sáng nay có một bầu ngỗng bay qua.

BỐ JOHNNY: *(kích động, nôn nóng, cố giữ vẻ bình thường)* Vâng, tôi biết. *(tự nhủ)* Ta biết. Ta biết.

JOHNNY: Nếu cháu nhận được lá thư nào từ New York, cháu sẽ cất giữ nó mãi.

WILEY: *(muốn chuyện trò)* Mọi chuyện thế nào, ông Alexander?

BỐ JOHNNY: Tôi đã có nhiều may mắn trong công việc, cảm ơn ông, Wiley.

JOHNNY: Bố cháu đã từng ở New York. Phải không, bố?

BỐ JOHNNY: *(nổi giận)* Cút đi, Johnny. Cút đi. Hãy cút đi.

JOHNNY: *(cũng nổi giận)* Được rồi, bố. *(Nó đi vòng ra sau nhà, xuất hiện ở phía bên kia, nhìn bố nó một lúc, rồi hiểu là nó nên tránh xa ông ấy là hơn.)*

(Rõ ràng là bố Johnny biết tờ nguyệt san Atlantic đã gửi trả lại ông ta những bài thơ. Rõ ràng là ông ta không tài nào tin nổi những bài thơ lại bị gửi trả. Cũng rõ ràng đó thật sự là những bài thơ lớn, bởi vì tác giả của chúng là một nhà thơ lớn. Ông ta lồng lộn như một con hổ. Dường như ông muốn kêu lên với toàn thế giới, dù đôi môi ngậm chặt. Cuối cùng, ông xé phong bì trong cơn cuồng giận. Chiếc phong bì rơi xuống. Ông mở xấp bản thảo thơ ra. Một cuộn giấy trắng, nặng, xổ xuống tới thềm cổng. Ông ta đứng, rất cao, rất đỗi tự hào, tự đọc cho mình nghe, lật nhanh những tờ giấy.)

BỐ JOHNNY: *(cuồng nộ)* A! Lũ điên chúng mày, những tên ngu ngốc đáng thương. *(Ông ngồi trên bậc thềm, hai tay bưng lấy mặt. Xấp bản thảo nằm trên thềm cổng. Sau nhiều phút, ông ta đá hất xấp bản thảo khỏi thềm cổng rơi xuống đất, cầm lại tờ báo, đọc các tựa đề. Lặng lẽ, với cơn cuồng giận khôn cùng, tiếng ông rền rĩ sôi sục)* Tiến lên đi, giết hết mọi người đi. Khiêu chiến với nhau. Mang hàng ngàn người ra và nghiền nát họ đi. Cả trái tim tội nghiệp, cả linh hồn khốn khổ và thân xác đáng thương của họ. Trao cho họ những kinh tởm xấu xa. Hủy hoại những giấc mơ của họ. Làm cho họ kinh hoàng. Bóp méo họ đi với lòng căm hận thù ghét lẫn nhau. Để viết nên huyền thoại của cuộc đời, lũ điên khùng các người, những kẻ mà sự vĩ đại được đo bằng chính những gì các người hủy diệt. *(Johnny lại xuất hiện ở phía bên kia, không bị bố phát hiện. Nó đứng chôn chân, lắng nghe bố nó. Trời bắt đầu xẩm tối.)* Bọn lừa đảo các người. Bọn đón hèn và không còn lòng kính Chúa các người. *(Ông đứng, chỉ ngón tay ra, như muốn xuyên nó qua cả thế gian)* Tiến lên đi. Nổ những khẩu súng yếu hèn của các người đi. Lũ các người sẽ không giết được mọi thứ đâu. *(Lặng lẽ, mỉm cười)* Những nhà thơ sẽ còn sống mãi với trần gian.

(Nhiều tia chớp lóe lên trong im lặng)

Căn nhà. Bầu trời tối sầm như lúc bắt đầu của một cơn giông. Từ phía rất xa thỉnh thoảng có tiếng sấm rền rền, và những tia chớp giạt. Bố Johnny đứng trên thềm cổng, mỉm cười, một nụ cười ngây ngô, bí hiểm, cô quạnh, lẻ loi. Mọi thứ vẫn như trước; xấp bả thảo trên mặt đất, phong bì trên thềm, và cả tờ báo. Đã nhiều giờ trôi qua.)

BỐ JOHNNY: *(lắc đầu một cách ngờ nghệch, không thể chấp nhận sự thật.)* Johnny. *(ngưng, to hơn một tí.)* Johnny *(ngưng, dịu dàng hơn)* Johnny. *(gầm lên)* Johnny. *(Thằng bé chạy từ sau vòng ra, bẽn lễn, tới đứng trước mặt bố nó. Bố nó nhìn lên, có ánh lửa trong đáy mắt, thách thức, đấng cay, bướng bỉnh và tràn đầy sức mạnh.)*

BỐ JOHNNY: *(dịu dàng nhưng đầy sức mạnh)* Con đã ăn sáng chưa?

JOHNNY: *(bẽn lễn)* Con không đói, bố ạ.

BỐ JOHNNY: Hãy vào nhà ăn đi con.

JOHNNY: Con không đói mà.

BỐ JOHNNY: Hãy làm như ta bảo.

JOHNNY: Con không ăn đâu, trừ phi bố cũng ăn.

BỐ JOHNNY: Ta không đói.

JOHNNY: Con sẽ chạy xuống tiệm ông Kosak xem có kiếm được chút gì không nhé.

BỐ JOHNNY: *(vẻ ê chề. Nắm lấy tay Johnny)* Không, Johnny. *(Ông ngưng lại, rõ ràng đang tìm cách diễn đạt về họ và về ông chủ tiệm)* Johnny? Ta nghĩ chúng ta cần phải có tiền, con à. Ta không thể tiếp tục như thế này được nữa. Nào, giờ đi vào nhà ăn đi con.

JOHNNY: *(đi lên bậc thềm)* Bố cũng phải ăn đấy nhé. *(Nó đi vào nhà)*

(Một tia chớp lóe lên trong im lặng. Một người đàn ông vận âu phục, một đôi vợ chồng trẻ và một em bé trên tay người vợ bước tới.)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN: Đây là căn nhà. Giá cho thuê là 6 đô mỗi tháng. Thật sự nó không tốt lắm, nhưng cũng ngăn được mưa gió đấy.

(Bố Johnny nhìn sững mọi người, ánh mắt ông đông cứng lại.)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN: *(bước tới gần bố Johnny, chìa tay ra, trong lúc đó những người kia tụt lại)* Còn nhớ tôi chứ? Tôi đã đến treo tấm biển đấy mà.

BỐ JOHNNY: *(vươn thẳng người)* Tôi nhớ. Chào ông.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN: *(bối rối)* À, ông Corey chủ nhà đi ra thị trấn. Và những người này đang tìm thuê một căn nhà. Ngay bây giờ.

BỐ JOHNNY: Tất nhiên rồi. Tôi có thể dọn đi bất cứ lúc nào. Họ có đồ đạc gì không?

NGƯỜI ĐẠI DIỆN: *(với gia đình khốn khổ)* Ông bà có đồ đạc gì không?

NGƯỜI CHỒNG: Không.

BỐ JOHNNY: *(với đôi vợ chồng)* Các bạn có thể lấy đồ đạc của tôi dùng. Không nhiều nhận gì, nhưng sẽ cần đến đấy. Có một cái bếp lò còn khá tốt.

NGƯỜI VỢ: *(với phẩm cách của người nghèo)* Chúng tôi không muốn lấy đồ dùng của ông đâu.

BỐ JOHNNY: Thôi được. Tôi còn nợ ba tháng tiền nhà. Tôi để lại số đồ dùng này thay cho số tiền nợ vậy. *(Người đại diện cố lên tiếng)*

BỐ JOHNNY: Thế được rồi mà. Tôi rất tiếc không có 18 đô tiền thuê nhà. Số đồ dùng còn đáng giá hơn thế. Ông có thể để cho đôi vợ chồng này dùng cho tới khi ông Corey trở về. *(với hai vợ chồng)* Ông bà muốn xem qua căn nhà không?

NGƯỜI CHỒNG: Nhìn cũng được lắm.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN: *(cất bước)* Thế là nhất trí nhé. *(với hai vợ chồng)* Giá tiền thuê là 6 đô mỗi tháng. Chúng tôi sẽ trả tiền nước.

BỐ JOHNNY: *(với hai vợ chồng)* Ông bà có thể dọn tới bất cứ lúc nào.

NGƯỜI CHỒNG: Cảm ơn ông rất nhiều. Chúng tôi sẽ quay lại vào chiều nay hoặc ngày mai. *(Họ đi, Johnny bước ra với một cái đĩa đựng hai lát bánh mì và một chùm nho nhỏ)*

JOHNNY: Những người này là ai thế bố?

BỐ JOHNNY: Chỉ là những người ghé ngang qua thôi.

JOHNNY: Thế bố đã nói chuyện gì với họ?

BỐ JOHNNY: Chỉ trò chuyện vậy thôi, Johnny.

JOHNNY: *(hét lên, rất giận)* Đừng buồn, bố ạ.

BỐ JOHNNY: *(quay lại nhìn nó với vẻ triu mến, kinh ngạc, thán phục và sung sướng, cười lên đột ngột)* Ta không buồn, Johnny. Cứ để thế gian là thế gian, và Chúa yêu thương tất cả mọi người.

JOHNNY: *(vui vẻ)* Vậy thì tốt lắm. Chúng ta ăn đi bố. *(Nó đặt cái đĩa trên bậc thềm cao nhất. Họ ngồi xuống bên nhau và bắt đầu ăn trong im lặng, nhìn nhau. Thằng bé nhìn bố nó qua khóe mắt)*

như lúc nó nhìn mặt trời, bố nó nhìn lại nó cũng theo kiểu đó. Thằng bé mỉm cười. Người bố cũng mỉm cười.)

JOHNNY: Bố thích nho chứ bố?

BỐ JOHNNY: Dĩ nhiên là thích.

JOHNNY: Bố?

BỐ JOHNNY: Gì vậy con?

JOHNNY: Thật sự nó giống như nhà tù hờ bố? [1]

BỐ JOHNNY: Có lúc bố chắc là như thế. Có lúc bố lại biết là không phải.

JOHNNY: Là sao bố?

BỐ JOHNNY: Ta cho là nó chỉ 50 phần trăm như thế thôi, Johnny. Con biết không. Nó là cả hai.

JOHNNY: Ý con là, bố có nghĩ rằng có đôi lúc ông ấy sẽ nhớ nhà không bố?

BỐ JOHNNY: Ta chắc là như thế.

JOHNNY: Con ước gì ông quay lại đây.

BỐ JOHNNY: Ta muốn gặp lại ông ấy.

JOHNNY: Lúc nào con cũng nhớ ông.

BỐ JOHNNY: Ta cũng thế. Ta sẽ nhớ tới ông mãi.

JOHNNY: Con cũng sẽ nhớ mãi. Ông ấy buộc phải trở về đó hờ bố?

BỐ JOHNNY: Ta đoán là như vậy.

JOHNNY: Hình như ông thích chàng trai đó.

BỐ JOHNNY: Ý con muốn nói chàng trai đã tới đưa ông ấy đi phải không?

JOHNNY: Vâng, bố biết không. Cái anh chàng đó ăn nói khéo léo cứ như là anh ta đang đứng trước một đám khán giả vậy.

BỐ JOHNNY: Anh ta tốt thôi. *(Chỉ còn một trái nho trong đĩa)*

JOHNNY: Nào, cầm lấy đi bố.

BỐ JOHNNY: *(vui vẻ)* Không, của con đấy Johnny. Ta đã đếm rồi.

JOHNNY: Được rồi, bố. *(Nó cầm trái nho cuối cùng cho vào miệng)* Có phải thế là ăn cắp không bố?

BỐ JOHNNY: *(châm biếm)* Có người nói là phải, có người nói là không phải. *(bi kịch)* Ta cho là không phải. *(Hét lên)* Con đã hái nó ở vườn nho, phải không?

JOHNNY: Đúng là con hái nó ở vườn nho, bố ạ.

BỐ JOHNNY: *(châm biếm)* Vậy thì rất không thể xem đó là ăn cắp.

JOHNNY: Vậy khi nào thì là ăn cắp hở bố?

BỐ JOHNNY: Cách mà ta nhìn nhận nó, Johnny ạ, chỉ là trộm cắp ở nơi nào có sự phá hoại không cần thiết hay sự độc ác đối với một người vô tội, bởi thế, một người không phải là vô tội thì không xứng đáng được hưởng lợi hay quyền gì hết.

JOHNNY:Ồ, *(ngưng)* Tốt, nếu đó không phải là ăn cắp, con nghĩ là con sẽ đi tìm thêm một ít. *(Nó đứng lên)* Chẳng bao lâu nữa sẽ chẳng còn gì hết *(đi ra)*

BỐ JOHNNY: *(khi thằng bé đã đi, cười lên)* Ôi, con trai của ta. Lạy Chúa, ta thật may mắn. Ta thật là hạnh phúc. *(Ông nhặt xấp bản thảo lên, nhét vào túi áo khoác và đi xuống phố.)*

Trong cửa tiệm của Kosak. Kosak lại cũng đang gối đầu vào cánh tay ngủ gật. Cửa tiệm trông có vẻ nghèo nàn hơn trước. Gia đình này có lẽ đã phải ăn cả các hàng hoá dành để bán. Bố Johnny bước vào lặng lẽ, gần như hổ thẹn. Kosak ngẩng đầu lên, chớp mắt, đứng dậy.

BỐ JOHNNY: *(kể có lỗi)* Tôi là bố thằng Johnny.

(Hai người đàn ông chăm chú nhìn nhau một lúc, mỗi người đều có vẻ vui sướng, bối rối, xúc động, hài lòng và giận dữ vì cùng những điều xấu của thế gian: sự tham lam, lừa lọc, xấu bụng, bất công. Họ bắt đầu mỉm cười, rồi bắt tay nhau nồng nhiệt.)

KOSAK: Tôi nhận ra ông. Johnny có nói cho tôi nghe về ông. Đó là một niềm vinh dự.

BỐ JOHNNY: Ông thật là tốt bụng.

KOSAK: Tôi không biết.

BỐ JOHNNY: *(chậm rãi)* Tôi đến để chia tay. Để xin lỗi. Để cảm ơn ông.

KOSAK: *(hối hả)* Ông sẽ không đi xa chứ?

BỐ JOHNNY: Tôi rất tiếc là có.

KOSAK: Tất cả chúng tôi sẽ nhớ Johnny.

BỐ JOHNNY: Tôi không có tiền. Tôi còn thiếu nợ ông.

KOSAK: Không sao đâu.

BỐ JOHNNY: Có thể tôi không gặp lại ông nữa. *(Ông lôi xấp bản thảo thơ ra khỏi túi. Vẻ đầy sức mạnh.)* Tôi là một nhà thơ. Đây là một số thơ của tôi. Tôi không đưa nó cho ông để gán vào số tiền nợ. Tiền là chuyện khác. *(khẩn khoản)* Ông có vui lòng nhận nó không?

KOSAK: *(thành thật)* Tôi không thể nhận thơ của ông được. *(ngưng)*

BỐ JOHNNY: Tôi mong ông làm ăn phát đạt.

KOSAK: Mọi người không có tiền. Tôi không biết tôi sẽ làm sao để lấy thêm hàng đây nữa.

BỐ JOHNNY: Tôi rất tiếc.

KOSAK: Vào mùa đông còn tệ hơn. Những hộ đóng gói đều đóng cửa. Không có việc làm. Lẽ ra tôi phải làm cho họ cái gì đó nếu có thể, nhưng mùa đông này tôi không có tiền để lấy hàng mới. Có thể tôi sẽ đóng cửa tiệm. Hầu như không còn đủ cho gia đình chúng tôi.

BỐ JOHNNY: *(xúc động, giận)* Những bài thơ này, để tôi nói cho ông biết, là những bài hay nhất mà tôi từng viết, tôi muốn để nó lại cho ông.

(Esther, con gái Kosak, một cô bé xinh đẹp 7 tuổi, đi vào phòng từ phía sau)

KOSAK: Đây là Esther, con gái tôi. Esther, đây là bố của Johnny.

ESTHER: Johnny có kể về bác cho cháu nghe.

BỐ JOHNNY: *(thật sự hài lòng nhưng xấu hổ)* Chào cháu.

KOSAK: Họ sẽ đi xa.

ESTHER: Ồ!

BỐ JOHNNY: Johnny sẽ nhớ đến cháu.

(Đôi môi cô bé run run, nước mắt trào ra. Nó quay lưng chạy ra khỏi cửa tiệm.)

KOSAK: Mọi thứ đều như thế cả.

BỐ JOHNNY: Chúng là trẻ con mà.

KOSAK: Vâng, nhưng đó là cách khởi đầu, và nó không bao giờ thay đổi. Chỉ có phụ nữ là không bao giờ học được cách tin vào nó.

BỐ JOHNNY: Ông sẽ đưa những bài thơ này cho nó nhé.

KOSAK: Xin sẵn lòng. Không sao đâu. Nó sẽ khóc một lúc, nhưng không sao đâu.

BỐ JOHNNY: Đây *(đưa Kosak tập thơ)* Ông giữ những bài thơ này là làm một điều tốt cho tôi. *(nói to, với Chúa và toàn nhân thế)* Ông thấy không, thơ phải được đọc mới là thơ. Có lẽ tôi chỉ xứng đáng có một độc giả. Nếu là như vậy, tôi muốn người đó chính là ông.

KOSAK: Cảm ơn ông. Tôi không xứng đáng đâu.

BỐ JOHNNY: *(mỉm cười)* Tạm biệt.

KOSAK: Tạm biệt.

(Bố Johnny ra khỏi cửa tiệm. Người chủ tiệm lấy đôi kính ra khỏi túi, mang vào, mở xấp giấy ra, và đứng giữa gian phòng, bắt đầu đọc, dịu dàng, thì thầm, môi mấp mấp. Những biểu hiện trên nét mặt ông thay đổi. Mưa bắt đầu rơi. Esther, con gái của ông quay lại)

KOSAK: (đọc một trong số những bài thơ một cách lặng lẽ)

Từ lòng đất thăm sâu

Giữa muôn trùng nước biếc

Thân ta trói buộc vào

Đá hoa cương thăm thiết

Ta vẫn nhớ, nhớ hoài

Em hiền dịu ngày qua

Và em hãy nhớ ta

Và em, hãy nhớ ta...

(Cô bé khóc lên nức nở, người cha quay lại, bước tới vỗ về nó.)

[1] Nó đưa câu chuyện quay về với Macgregor. Bà nó lúc trước đã gọi ông lão là tên tù nhân già ở viện dưỡng lão.

Trong phòng ăn. Ở một thời điểm sau đó ít lâu. Bố Johnny ngồi ở bàn, nhìn qua một trang rời

trong bản thảo. Mưa vẫn đang rơi. Thỉnh thoảng, ông đứng lên, tới bên cửa sổ.

BỐ JOHNNY: Đã có chuyện quái quỷ gì xảy ra với nó rồi không biết? *(Ông ta quay lại chỗ để xấp bản thảo, ngó qua vài bài thơ, trở nên nóng nảy, quăng chúng xuống, và lại tới bên cửa sổ. Rồi bước tới bước lui, chờ đợi. Cuối cùng, Johnny chạy ào lên thang gác, lao vào nhà, gấp rút đóng ập cửa lại. Nó thở hổn hển và sợ hãi. Nó mang về 4 chùm nho đỏ tím cỡ trung, nửa chục phúc bồn tử đen và hai trái thạch lựu.)*JOHNNY: *(thở hổn hển, xúc động)* Con phải giấu chúng ở đâu, bố?

BỐ JOHNNY: Có chuyện gì thế, Johnny?

JOHNNY: Bố đã bảo đó không phải là ăn cắp mà bố.

BỐ JOHNNY: *(bực mình và nôn nóng)* Ừ! Không phải.

JOHNNY: Thế con chó của người chủ trại là sao vậy?

BỐ JOHNNY: Con đang nói cái gì vậy? Con chó nào của người chủ trại?

JOHNNY: Cái con chó đã đuổi theo con suốt quãng đường về nhà.

BỐ JOHNNY: Chó à? Ý con muốn bảo là có một con chó rượt theo con sao? Nó như thế nào vậy?

JOHNNY: Con không dịp để nhìn kỹ nó, nhưng con cho rằng đó là một chó to xù đấy.

BỐ JOHNNY: *(rất giận vì chuyện đáng buồn này)* Con vật khốn kiếp đó có cắn con hay làm gì con không, Johnny?

JOHNNY: Không có, bố. Nhưng con nghĩ nó có thể làm chuyện đó bất cứ lúc nào.

BỐ JOHNNY: Nó có sủa con không?

JOHNNY: Không thể nói chính xác là sủa.

BỐ JOHNNY: Thế chuyện gì đã xảy ra?

JOHNNY: Con đã chạy suốt quãng đường, còn nó thì đuổi theo con.

BỐ JOHNNY: Bây giờ nó đâu rồi?

JOHNNY: Con nghĩ là nó ở ngoài cửa. Bố chắc là không phải mình ăn cắp chứ, bố?

BỐ JOHNNY: *(giận dữ, ăn 3,4 trái nho)* Dĩ nhiên là không phải. Ta sẽ tính sổ con chó đó. Không một người nào hoặc quái thú nào có thể làm cho bố con sợ, hãy nhớ lấy điều đó, Johnny. Hãy luôn luôn nhớ điều đó. *(tới cửa sổ một cách thận trọng, nhìn ra)*

JOHNNY: Có nó ngoài đấy không bố?

BỐ JOHNNY: Chỉ có một con cún con, Johnny. Ta cho là nó đang ngủ.

JOHNNY: Con biết mà. Nó là con chó của người chủ trại, nó đang chờ con đấy.

BỐ JOHNNY: Nó không lớn lắm đâu, Johnny.

JOHNNY: Vâng, nhưng nếu nó là của người chủ trại, nếu đó là ăn cắp thì sao bố?

BỐ JOHNNY: Sao, con chó nhỏ xíu đó không thuộc về ai cả, Johnny à, ta cuộc là nó đang tìm bạn đó thôi.

JOHNNY: Nó đã đuổi theo con suốt, bố có chắc là thế không?

BỐ JOHNNY: Chắc chắn. Ta bảo đảm đấy, Johnny. Ta không phải là loại thi sĩ hư vô. Ta biết mọi điều. *(con chó bắt đầu gầm gừ và sủa. Bố Johnny nháy lùi khỏi cửa sổ, sợ hãi. Johnny nháy dựng lên, hoảng hốt, không nói nên lời)*

JOHNNY: *(thì thào)* Có gì vậy, bố?

BỐ JOHNNY: Có ai đó đang đi tới, ta cho là thế.

JOHNNY: Bố thấy không. Đúng là ăn cắp rồi. Đó là người chủ trại. *(Nó chạy tới cái bàn gom những thứ trái cây. Bà nó chạy vào phòng.)*

BÀ NỘI JOHNNY: *(tiếng Armenia)* Có gì mà ầm ỉ thế, trong cơn mưa?

BỐ JOHNNY: Sh..suyt. *(Johnny mang mớ trái cây ra khỏi phòng ăn; quay lại, sợ chết khiếp. Con chó vẫn gầm gừ và sủa. Bố Johnny thậm chí còn sợ hãi hơn cả nó.)*

JOHNNY: *(đau khổ, thách thức)* Chết tiệt thật. Bố, giờ thử nhìn xem chúng ta lộn xộn ra sao.

BỐ JOHNNY: Ước gì ta có một liều thuốc.

JOHNNY: *(giờ lo cho bố nó, nói với bà bằng tiếng Armenia)* Còn thuốc hút không bà? *(Bà nó chạy vào phòng bên. Con chó ngưng sủa.)*

JOHNNY: Bố thấy không? Đó chắc là ông chủ trại. Con trốn ở đâu bây giờ? Đừng mở cửa nhé bố.

BỐ JOHNNY: Mở cửa? Lấy cái bàn kia giúp bố. *(Họ đẩy cái bàn sát vào cánh cửa, rồi rón rén đi về phía giữa phòng. Bà nội chạy vào với một liều thuốc và một que diêm, trao cho bố Johnny. Ông đốt liều thuốc, rít sâu, rồi vươn thẳng người lên.)*

BỐ JOHNNY: *(bi thảm)* Ta là người mang trái cây về, con hiểu chứ, Johnny?

JOHNNY: Đừng mở cửa, bố. *(Bố nó xách một chiếc ghế đẩu, đi rón rén lại chỗ cái bàn, đặt lên để làm tăng thêm sức nặng. Johnny lấy một cái ghế dài đặt lên. Bà cụ đặt thêm cái bình, bố nó thêm vào cái công sự đó ba cuốn sách. Thật sự, trong khi tiếng gõ cửa vẫn tiếp tục, cả gia đình dần dần chất tất cả mọi đồ đạc trong nhà phía sau cánh cửa.)*

BỐ JOHNNY: Đừng sợ, Johnny.

JOHNNY: Ông ấy không thể vào được, phải không bố?

BỐ JOHNNY: Ta không nghĩ thế.

(Người bà, người bố và đứa con đứng bên nhau trong căn phòng trống, thánh đố với toàn thế giới. Một lúc lâu im lặng, đầy sợ hãi, giận dữ, buồn thương và thách thức. Sau 30 giây, sự im lặng vỡ toang bởi tiếng sáo solo bài "Tim tôi ở cao nguyên". Mặt trời lại hiện ra.)

JOHNNY: *(hét lớn)* Đó là ông Macgregor.

BỐ JOHNNY: *(chạy tới chỗ cửa sổ, nhấc lên và hét to với Macgregor)* Xin chào mừng, ông Macgregor. Johnny, dọn dẹp đồ đạc đi con. *(Bố Johnny trở lại cái công sự giúp bà nội và Johnny thu dọn đồ đạc. Cuối cùng mọi thứ đã được dọn ra khỏi đường đi. Bố Johnny mở cửa. Macgregor vẫn đang thổi sáo, tiến vào nhà, dẫn đường ông là con chó, một con chó con hoang nhỏ xíu. Con chó chạy loảng quảng, mừng rỡ rít. Đôi mắt của Macgregor tràn đầy những nỗi niềm. Johnny chạy vào bếp rồi quay ra với chiếc đĩa đựng trái cây, và một bình nước. Macgregor kết thúc bản solo. Mọi người đứng lặng trong giây lát, ngay cả con chó. Johnny đưa bình nước mời Macgregor.)* MACGREGOR: *(mệt mỏi)* Lần này thì không, Johnny.

BỐ JOHNNY: Xin chào mừng đã tới, bạn của tôi.

MACGREGOR: Ta đã bỏ trốn. Họ sẽ đuổi tới đây ngay, nhưng ta không trở lại đó đâu. Họ đã giấu đi chiếc sáo của ta. Họ cố buộc ta phải nằm trên giường. Họ bảo rằng ta đau ốm. Ta không ốm đau gì cả; Ta chỉ già. Ta biết những ngày ta sống trên đời chỉ còn đếm trên đầu ngón tay thôi. Ta muốn sống những ngày còn lại với các bạn. Đừng để họ mang ta về.

BỐ JOHNNY: Tôi sẽ không để họ mang ông đi đâu. *(Ông ta kéo một chiếc ghế mời ông già ngồi)* Hãy ngồi xuống đi. *(Mọi người ngồi. Macgregor nhìn quanh mọi người.)*

MACGREGOR: Được gặp lại các bạn thật là tốt quá.

JOHNNY: Tim của ông vẫn còn ở cao nguyên chứ hử ông?

MACGREGOR: *(gật đầu)* Vẫn ở cao nguyên, con trai.

BỐ JOHNNY: *(nổi giận)* Johnny!

JOHNNY: *(đau khổ)* Gì ạ?

BỐ JOHNNY: Hãy câm miệng đi.

JOHNNY: Vì sao thế?

BỐ JOHNNY: Vì sao à? Sao đôi lúc con lại ngu xuẩn đến vậy chứ? Con không thấy ông Macgregor đang rất mệt sao?

JOHNNY: *(với Macgregor)* Phải vậy không ông?

MACGREGOR: *(gật đầu)* Nhưng mẹ của con đâu, con trai?

JOHNNY: Mẹ cháu chết rồi.

MACGREGOR: *(hầu như tự nhủ)* Không phải chết, Johnny. *(Ông lắc đầu)* Mà là ở cao nguyên.

BÀ NỘI JOHNNY: *(với bố nó)* Ông ta nói gì thế?

BỐ JOHNNY: *(lắc đầu)* Không có gì. *(với Macgregor)* Ông ăn chút gì chứ?

MACGREGOR: *(nhìn cái đĩa)* Chỉ một trái nho thôi. *(Ông ngắt một trái nho cho vào miệng. Đột ngột quay lại, giật mình)* Họ đang tới, phải không?

BỐ JOHNNY: Đừng sợ, bạn của tôi. Hãy nằm xuống nghỉ ngơi đi. *(Bố Johnny dìu ông tới chiếc giường. Ông già nằm duỗi, ngửa mặt lên. Bố Johnny quay trở lại bàn. Không ai ăn cả. Ông già đột nhiên nhồm người lên. Không có gì cả. Ông đứng dậy, bước tới bàn)*

MACGREGOR: Ông sẽ không để cho họ mang ta đi chứ?

BỐ JOHNNY: Không đâu. *(Ông ta bẻ một trái thạch lựu ra, trao cho Macgregor một nửa)* Hãy cố ăn chút gì đi.

MACGREGOR: Cảm ơn, bạn của tôi. *(Ông ăn một ít lựu. Có tiếng gõ ở cửa, Macgregor nhồm lên, giật dử)*

MACGREGOR: *(gầm lên)* Các người không được mang ta về. Ta cảnh cáo các người. Ta sẽ gieo người mà chết. Ta thuộc về nơi này, với những người này.

MACGREGOR: *(tràn đầy mạnh mẽ)* Dĩ nhiên là chúng ta mở cửa. *(Ông bước tới cửa, mở ra. Đó là Rufe Apley, thợ mộc, đang hơi run sợ vì cơn giận dữ của Macgregor)*

RUFÉ APLEY: Xin chào, ông Macgregor.

JOHNNY: Ai đó?

RUFÉ APLEY: Rufe Apley đây mà.

MACGREGOR: Chào anh, Rufe.

BỐ JOHNNY: *(ở cửa)* Vào nhà đi, Rufe. *(Rufe bước vào. Anh ta mang tới một ổ bánh, một thỏi xúc xích và hai quả trứng)*

RUFÉ: Tôi đang ngồi không ở nhà thì chợt nghe thấy tiếng nhạc. Tôi chắc là không ai ngoài ông Macgregor.

MACGREGOR: Ta rất vui là anh vẫn nhớ.

RUFÉ: Không người nào quên được bài nhạc đó, ông Macgregor ạ. Tôi mang tới những thứ này.

MACGREGOR: *(nhận lấy và đặt lên bàn)* Cảm ơn, bạn của tôi, cảm ơn.

(Lại có tiếng gõ cửa. Đó là Sam Wallace, người tuần đường hỏa xa, với toàn bộ trang bị trên

người: áo trùm, đồ nghề đeo quanh người, da, giày đinh, mọi thứ. Anh ta có pho mát, cà chua và củ cải)

WALLACE: Tôi biết chính là ông Macgregor mà. Tôi tự nhủ, tôi sẽ tới đây, với một ít thức ăn gì đó.

MACGREGOR: Đây thật sự là một điều bất ngờ thú vị.

RUFÉ: *(rõ ràng là muốn nói đôi điều)* À, ông Macgregor này?

MACGREGOR: Vâng, gì thế bạn của tôi? Hãy nói đi. Ta là một con người đơn giản, chẳng khác gì anh cả.

RUFÉ: Em vợ tôi và gia đình nó đang ở bên ngoài. Tôi biết họ rất muốn nghe ông chơi lại. Và còn có một số người khác nữa.

MACGREGOR: *(ung dung)* Dĩ nhiên là ta sẽ chơi. Ta đã hơn tám mươi rồi, và không còn sống được bao lâu nữa. Trước lúc ra đi, ta muốn trở thành một thành viên của các bạn, những người còn sống sau khi ta đã chết. Có cả bọn trẻ con ngoài đó chứ?

RUFÉ: Bảý đứá. Chúng là con của em vợ tôi.

(Ba bốn người hàng xóm nữa bước vào, mang theo thức ăn. Macgregor cầm ống sáo lên. Mọi người theo ông ra ngoài cổng, trừ bố Johnny. Macgregor bắt đầu chơi lại bản nhạc solo. Lần này, ông quá già yếu và mệt nhọc để chơi thật hay, nhưng rồi ông cũng kết thúc trọn vẹn bài nhạc. Bố Johnny đi lại trong phòng, mỉm cười, rồi lại cau mày, lòng tràn ngập yêu thương chốn này. Cánh cửa thông ra bếp lặng lẽ mở ra, Esther Kosak đứng trên ngạch cửa. Bố Johnny quay lại và trông thấy nó. Nó không còn khóc nữa. Nó giữ một vật gì đó giữa nắm tay)

BỐ JOHNNY: Chào cháu, Esther.

ESTHER: Johnny đâu hở bác?

BỐ JOHNNY: Ta sẽ kêu nó vào. *(Ông đi ra chỗ cổng. Đứa bé gái đứng một mình trong nỗi buồn và sự lẻ loi kinh khủng. Một lúc sau Johnny chạy ủa vào, xúc động, nhưng mau chóng bình tĩnh lại khi nó cảm nhận được tâm trạng của cô bé)*

JOHNNY: Chào Esther.

ESTHER: Chào Johnny.

JOHNNY: Có chuyện gì vậy?

ESTHER: Bố em đã đọc cho em nghe những bài thơ.

JOHNNY: Cái gì?

ESTHER: *(chìa tay ra)* Đây. Đó là tất cả những gì em có. *(Johnny cầm lấy một nắm tiền xu)* Em đã để dành cho ngày Lễ giáng sinh. *(Nó bắt đầu khóc, quay đi và chạy ra khỏi nhà)*

JOHNNY: *(xúc động mạnh và cuồng giận, cảm nhận một cái gì đó thật sâu sắc, đẹp đẽ và khủng)*

khiếp) Lay Thánh Moses. (Nét mặt nó hiện ra một vẻ bi thương, nó bắt đầu khóc. Nó ném những đồng xu vào vách và ngồi bệt xuống đất, nức nở) Ai cần những thứ này chứ? (Bố Johnny quay trở lại)

BỐ JOHNNY: Johnny. *(tới gần hơn)* Johnny?

JOHNNY: *(nức nở, giận dữ)* Nó mang tiền tới cho con.

BỐ JOHNNY: Khóc không có ích gì con ạ.

JOHNNY: *(nhảy lên)* Ai khóc đâu chứ? *(Nó khóc, to hơn)*

BỐ JOHNNY: Đi rửa mặt đi con. Không có gì đâu.

JOHNNY: *(đi ra)* Ở đâu đó đã có cái gì đó sai lầm.

(Macgregor kết thúc khúc solo, mọi người im lặng, bối rối và biết rằng đã có một cái gì đó sai lầm. Có tiếng Macgregor phát biểu một lúc)

MACGREGOR: *(yếu ớt)* Những năm tháng, các bạn của ta. Ta đã đi tới điểm kết thúc của chúng rồi. Ta rất tiếc không còn chơi cho các bạn nghe được nữa. Cảm ơn các bạn. Cảm ơn.

(Bố Johnny đi lại trong phòng. Ông ngồi xuống bàn và nhìn những thứ thức ăn. Macgregor và bà nội Johnny quay vào đến ngồi bên bàn. Con chó nằm ở một góc nhà)

MACGREGOR: *(nhấc bình nước lên, uống một ngụm)* Họ không để cho ta chơi. *(uống thêm một ngụm)* Họ giấu ống sáo của ta. *(uống thêm một ngụm)* Họ bảo ta ốm yếu. *(uống thêm một ngụm)* Ta khỏe như một con bò mộng. Nếu họ đến mang ta đi, ta sẽ giả vờ chết. Ta sẽ đóng một cảnh chết trong kịch Vua Lear. Ta sẽ đóng tất cả những màn chết chóc.

(Johnny nghiêm trang quay vào nhà. Tất cả mọi người ngồi quanh bàn. Không ai ăn nổi chút gì trừ bà cụ. Một khoảng khắc dài im lặng. Bà cụ thôi không ăn nữa)

BÀ NỘI JOHNNY: Có chuyện gì thế? Sao mà buồn thảm thế này? *(Macgregor đứng lên)*

MACGREGOR: *(ngâm nga, nhớ lại những lời kịch của Shakespeare, và tự ứng tác thêm một ít)* Gió đâu, hãy thổi tung lên, và khiến cho đôi má người hằn xuống. Cuồng nộ. Thổi tung lên. Hỡi cuồng phong bão tố, hãy trào dâng lên tràn ngập những lâu đài, nhấn chìm những gác chuông! Hãy phun lửa diêm sinh, lửa hành quyết để thiêu cháy mái đầu bạc trắng của ta đi. Ta coi khinh các người, phỉ nhổ vào ngọn lửa, cơn mưa lũ. Ta không bao giờ trao cho người vương quốc, gọi người là con ta. Ta đứng đây, kẻ nô lệ của người, một ông già yếu ớt, hao gầy và bị rẻ khinh. Tồn tại hay không tồn tại...*(bi thảm)* Tồn tại – tồn tại – cái gì? Một tên ngu xuẩn? Một kẻ bị số mệnh cợt đùa? Bị xa lìa quê hương, lửa ấm và tình thương mến?

Ta, một kẻ bị gây tội lỗi hơn là người gây tội lỗi. Vũ khí! Vũ khí đâu! Gươm đâu! Lửa đâu! Hãy hủy diệt nơi này. Mấy con chó nhỏ của ta đâu, Tray, Blanche, Sweetheart. Coi kìa? Sao chúng lại sủa vào ta? Ôi, trên con đường này đầy dẫy sự điên loạn, không có gì hơn. Hãy để ta tránh xa nó. Tâm trí ta bắt đầu đảo lộn *(Johnny bước tới bên ông, quỳ xuống)* Lại đây, con trai ta, tội cho con quá. Một nghệ thuật lạnh lùng? Hãy để ta được yên ổn một mình! Tim ta sẽ nát tan? Và ta,

kẻ ngu khờ tội nghiệp sẽ bị treo lên. Không, không, không còn cuộc đời nữa rồi! Tại sao một con chó, một con ngựa, một con chuột lại có cuộc sống mà ta thì không được hưởng chút gì? Người sẽ không còn đến nữa, không bao giờ, không bao giờ, không bao giờ! Cầu xin ngài hãy cởi chiếc cúc này ra – cảm ơn ngài – *(giơ ống sáo ra)* Người có trông thấy gì không? Hãy nhìn đi. Nhìn đi, này, nhìn đi!

(Trong khi Macgregor đang diễn, Johnny trở lại chỗ những đồng xu nằm rải rác, nhặt từng đồng một lên, nhìn chúng. Căn phòng hoàn toàn im lặng. Có tiếng một con ngựa và cỗ xe đi qua trên phố, rồi tiếng bước chân, tiếng gõ cửa. Bố Johnny đi tới mở cửa ra. Đó là Philip Carmichael và hai người bảo vệ từ viện dưỡng lão. Hai người bảo vệ đứng nghiêm ở cửa)

CARMICHAEL: Chúng tôi nghe thấy ông ấy diễn. Ông ấy đã bệnh nặng lắm rồi. Chúng tôi đến mang ông ấy về.

BỐ JOHNNY: Xin mời vào. *(Ông vào, tới gần Macgregor)* Ông Macgregor! *(Không có tiếng trả lời)*

BỐ JOHNNY: *(lớn tiếng hơn)* Ông Macgregor! *(tới gần hơn)* Ông Macgregor. Ông Mac- *(Carmichael vội đến kiểm tra ông)*

CARMICHAEL: Ông ấy chết rồi.

JOHNNY: Không phải đâu. Ông chỉ đóng kịch mà.

BỐ JOHNNY: Lạy Chúa, ông đã là nghệ sĩ diễn kịch Shakespeare vĩ đại nhất trong đời.

CARMICHAEL: Tôi rất tiếc đã xảy ra chuyện này ở đây.

BỐ JOHNNY: Tại sao không? Tại sao không là ở đây? Đây chính là nơi ông cụ muốn nó xảy ra.

JOHNNY: Ông chỉ đóng kịch thôi bố. Ông không chết. *(Nó tới gần Macgregor)* Phải không ông? *(Dĩ nhiên không có lời đáp)*

CARMICHAEL: Chúng tôi sẽ mang ông ấy về.

BỐ JOHNNY: Đây là ống sáo. Hãy chôn nó cùng ông ấy. *(Bố Johnny ôm Macgregor lên, mang ra. Hai người bảo vệ mang ông xuống đường. Ánh mặt trời hoàng hôn đỏ rực lên như lúc bình minh ở đầu vở kịch. Chiếc xe ngựa lăn bánh, Có một khoảnh khắc im lặng khác thường, và văng vẳng từ một chốn rất xa là tiếng sáo solo. Có tiếng gõ cửa. Bố Johnny mở cửa. Đó là hai vợ chồng trẻ. Đứa bé đang khóc. Họ vào nhà.)*

NGƯỜI VỢ: Thằng bé mệt và buồn ngủ.

BỐ JOHNNY: Căn nhà đã sẵn sàng *(với Johnny)* Hãy thu dọn những thứ của con. *(với bà cụ, tiếng Armenia)* Chúng ta đi thôi. *(Ông lôi một cái va-li từ bên dưới cái giường ra, quăng các bài thơ, quyển sách, phong bì, ổ bánh và vài thứ thức ăn khác vào đó. Bà cụ choàng một chiếc khăn quanh đầu và vai. Johnny bỏ lại tất cả đồ chơi của nó, chỉ mang theo năm tiền xu. Em bé nín khóc. Con chó chạy loảng quảng theo Johnny. Tiếng nhạc lớn dần.)*

NGƯỜI CHỒNG: Rất cảm ơn ông.

NGƯỜI VỢ: Ông có nơi nào để đến không?

BỐ JOHNNY: Có, thưa bà. Tạm biệt.

HAI VỢ CHỒNG: Tạm biệt. *(Họ ra khỏi nhà, lên chỗ con đường)*

JOHNNY: Bố nghĩ chúng ta sẽ đi đâu, bố?

BỐ JOHNNY: Đừng bận tâm, Johnny. Con cứ việc theo ta.

JOHNNY: Con không để ý đến những cái tên đâu, bố. Nhưng ở đâu đó đã có một cái gì đó sai lầm.

(Tiếng nhạc lớn hơn. Họ lên đường.)

HẾT

Con gái người chẵn cừu

William Saroyan

Quan điểm của bà tôi - Chúa ban phước lành cho bà - là tất cả mọi người đàn ông phải biết lao động, và mới đây lúc ngồi ở bàn ăn, bà nói với tôi: Cháu phải học làm cho giỏi một công việc nào đó, làm ra món đồ gì đó hữu ích cho con người, vật gì đó từ đất sét, từ gỗ, từ kim loại, hay vải vóc. Một thanh niên mà không biết một nghề tay chân đầy vinh dự nào thì thật là không phải. Mà có biết làm thứ gì không? Mà có thể đóng một cái bàn đơn giản, một cái ghế, nặn một cái đĩa, đan một miếng thảm, nắn một bình cà phê? Mà làm được thứ gì hả?

Và bà nhìn tôi bằng con mắt giận dữ.

Tao biết, bà tôi nói, mà tính làm nhà văn, và tao nghĩ mà là nhà văn thật. Mà đã hút đủ thuốc lá để có thể thành bất cứ nhà gì rồi. Và cả nhà này cũng ngập khói thuốc, nhưng mà phải học để làm ra thứ gì đó cụ thể, thứ gì có thể dùng được, có thể thấy được, có thể chạm vào được.

Ngày xưa có ông vua Ba Tư, bà tôi kể, ông ấy có đứa con trai, đứa con trai lại yêu con gái người chẵn cừu. Thằng bé đến gặp bố mình và nói, Thừa cha, con thương con gái người chẵn cừu, và con muốn lấy cô ta làm vợ. Ông vua bảo, ta là vua, con là con của ta và khi ta mất con sẽ nối ngôi trị vì thiên hạ, làm sao con lại có thể đi lấy một con bé dân giả tầm thường như thế. Con trai nhà vua nói, Thừa cha, điều ấy con không biết nhưng điều con biết chắc là con yêu cô ấy và mai này muốn cô ấy thành hoàng hậu của con.

Nhà vua thấy tình yêu con trai của ngài dành cho cô gái là tình yêu đến từ Thượng Đế, ngài phán ta sẽ sai sứ giả đến nhà cô gái ấy. Rồi vua gọi sứ giả đến và phán. Đến nhà con gái người chẵn cừu và nói với nó rằng con trai ta yêu và muốn cưới nó làm vợ. Sứ giả đến nhà cô gái và nói, Con trai của nhà vua yêu cô và muốn cưới cô làm vợ. Nghe vậy cô gái mới hỏi. Anh ấy làm nghề gì? Rồi sứ giả bảo. Cái gì, ngài là con của vua; ngài không cần nghề gì hết. Rồi cô gái bảo. Anh ấy phải học một nghề gì đó mới được. Rồi sứ giả trở về kể lại với nhà vua lời yêu cầu của cô gái.

Nhà vua nói với con trai, Con gái người chăn cừu muốn con học một nghề gì đó. Con còn muốn cưới nó không? Con trai nhà vua bảo. Vâng, con sẽ học nghề dệt thảm rơm. Rồi người ta dạy con trai nhà vua học nghề đan thảm rơm, thành những hình dạng và màu sắc với trang hoàng đẹp đẽ, và sau ba ngày thì con trai nhà vua làm xong một cái thảm rơm rất đẹp, rồi sứ giả trở lại gặp con gái người chăn cừu, rồi sứ giả nói, Mấy tấm thảm rơm này là do con trai nhà vua làm ra đấy.

Thế là con bé đi theo sứ giả về kinh đô, và cô ta trở thành vợ của con trai nhà vua. Một ngày kia, bà tôi kể tiếp, con trai nhà vua đi dạo trên đường phố Bát - Đa, rồi anh ta vào một quán ăn vì chỗ ấy sạch sẽ và mát mẻ nên vào, ngồi vào một bàn ăn. Chỗ ấy, bà tôi tiếp tục kể, là nơi bọn trộm cướp, sát nhân tụ tập, rồi chúng nó bắt con trai nhà vua đem giam vào cái hầm tối thật rộng nơi chúng giam giữ nhiều người tiếng tăm trong thành phố, bọn trộm cắp giết người ấy bày trò vui chơi rồi đem giết từng người, bắt đầu bằng những kẻ to béo nhất, lấy thịt nuôi những đứa ăn trộm ốm yếu. Con trai nhà vua là người gầy ốm nhất trong bọn, hơn nữa bọn trộm cũng không biết cậu ta là con nhà vua xứ Ba Tư, thành ra cậu ta không bị giết, rồi cậu ta nói với bọn trộm. Tôi là thợ dệt thảm rơm và loại thảm này rất có giá trị. Rồi bọn trộm đem rơm vào cho con nhà vua dệt thảm và nội trong ba ngày, cậu ta đan được ba tấm thảm, rồi cậu ta bảo. Mang mấy tấm thảm này vào cung điện bán cho nhà vua, mỗi tấm thế này giá cũng phải vài trăm đồng tiền vàng. Rồi bọn trộm đem thảm vào cung điện, rồi khi nhìn thấy mấy tấm thảm, nhà vua nhận ra ngay đó là công trình của con trai mình, rồi nhà vua đem mấy tấm thảm cho con gái người chăn cừu coi và nói. Mấy tấm thảm này được mang đến cung điện và đây là công trình của đứa con trai đã mất tích của ta. Rồi con gái của người chăn cừu xem xét kỹ từng tấm thảm và qua đường nét trên tấm thảm nó nhận ra trong chữ viết Ba Tư lời cầu cứu của chồng mình, rồi nó kể lại cho nhà vua. Rồi nhà vua, bà tôi kể tiếp, sai nhiều lính tới sào huyệt bọn trộm cướp và giết người, lính cứu những người bị giam giữ và giết hết bọn trộm cướp, rồi con trai nhà vua trở về cung điện an toàn để gặp lại nhà vua và vợ là con gái người chăn cừu. Lúc vào tới cung điện, nhìn thấy vợ mình, con trai nhà vua cúi đầu khiêm tốn và quỳ xuống ôm lấy chân vợ mình, rồi cậu ta nói. Em yêu, nhờ có em mà anh còn sống, và nhà vua rất hài lòng với con gái người chăn cừu.

Đấy nhé, bà tôi nói, cháu đã hiểu tại sao người nào cũng phải học một nghề tay chân đáng vinh dự rồi chứ?

Cháu thấy rõ rồi ạ, tôi trả lời bà, và ngay khi dành đủ tiền mua một cái cưa, một cái búa và vài miếng gỗ, cháu sẽ cố gắng hết sức để đóng một cái ghế đơn giản hay một cái kệ đựng sách.

*Nguồn: chuyển ngữ từ nguyên bản **the shepherd's daughter**, 75 Short Masterpieces. Bantam Books Inc. 1961.*

Hết

Cái Chết Của Trẻ Con

William Saroyan

Trường Emerson có ma. Trường gồm hai tòa kiến trúc liền nhau, lợp bằng đá xám, với những bức tường cao trần trụi và các cửa sổ nhỏ tối om, nối liền nhau qua chiếc cầu gỗ, về đêm trường trông có vẻ ảm buồn thảm. Ngay cả trong ánh sáng ban ngày nó cũng nhuốm một vẻ gì rất đổi hoang liêu, và hầu như tất cả các học trò đều thầm mong cho trường bị hỏa hoạn hay bị hư hủy quách cho rồi. Trường cũng mới được xây, và có một bác thợ mộc người Assyria ở xóm chúng tôi bảo là bác đã góp công sức trong việc xây dựng ít nhiều. Nhưng chúng tôi nghĩ là nó đã xưa lắm rồi, xưa như đã đến hồi tàn rữa mục nát. Mỗi tối chạng vạng, bọn dơi đen bay vù vù ra từ những ô hốc, kẻ hở, và đập chòn chao liệng khắp sân. Quả thật là chúng tôi chưa từng thấy một con vật nào xấu xí hơn, một loài gặm nhấm biết bay, không biết hót, trần trụi không lông, và không có được một chút vẻ đẹp nào của loài lông vũ.

Tòa nhà phía tây dành cho các lớp trung chuyển, còn tòa phía đông gồm các lớp bốn, năm và sáu. Cả hai tòa đều có ma. Người ta thường kể là, cứ đêm mà phải đi ngang qua hai tòa nhà này, thế nào cũng được nghe các ông thầy đã quá cố về la mắng các học trò những thế hệ trước. Hẳn ta lại nghe được cô giáo già Timanus căn dặn. Nào, cả lớp nghe đây. Nghe kỹ đây. Hai lần tám là mười sáu, phải không nào? Đúng rồi, thế thì hai lần mười sáu là bao nhiêu? Rồi ta sẽ nghe những tiếng cười khúc khích nghịch ngợm, những hồn ma của các con trai và con gái trước kia chạy nháo nhào trong lớp.

Frank Sousa nói là chính tai nó nghe hết mọi việc. Chúng tôi tin ngay và đêm đến là tránh xa ngôi trường.

Một chiều đông trên đường đi bán báo về, tôi đến ngôi trường tối tăm đó, và khi sức nhớ là trường có ma, tôi bắt đầu thấy sợ và run như cây sậy. Tôi đã định đi bằng lối tắt qua hai tòa nhà rồi băng qua sân trường để đến đường Santa Clara, nhưng khi nghĩ lại cái chết người của

ngôi trường về đêm, tôi quyết định đi vòng qua trường. Từ bên kia đường tôi nhìn lên cửa sổ phòng học của tôi, phòng lớp bốn, và khi vừa ngược nhìn lên thì tôi nghe nhiều tiếng động rộn người, và đèn phòng bật sáng choang, tôi tê khiếp toàn thân.

Rồi tôi thấy tôi đang chạy thực mạng.

Cả năm sau, tôi cố nghĩ đó là người dọn quét phòng ban đêm. Nhưng còn về tiếng động thì không sao giải thích nổi. Chẳng bao giờ một người lại có thể gây nên tiếng ồn náo động như thế. Nếu vậy, có lẽ là do tôi tưởng tượng quá đáng. Dù sao không ai lại không cho là trường không có ma ám, còn về buổi sáng thì chắc chắn là đã có bọn chúng tôi ám cả rồi.

Chúng ta có đủ chiều kích của những thực thể, chúng ta có sức nặng của hình thể, của cử động, thể nhưng có một cái không thực nơi tất cả chúng ta, những bé trai, bé gái, các thầy cô giáo già hay trẻ, các chương trình, việc ngồi với sách vở và những con số, mùi của trường lớp, của bụi phấn, hỏi và trả lời tất cả những câu hỏi kiểu trẻ con. Có những cái lạ lùng về việc chúng ta ngủ và thức, và sống lại ngày này qua ngày khác, những giây phút huyền hoặc và hiếm hoi trong đời.

Chúng ta bao gồm các loại thể.

Có Rosa Tapia, cô bé người Mỹ duyên dáng hơn bất cứ đứa nào trong trường, nhưng không có tài học, không hiểu văn phạm, kém về số học. Nó có đó mà như không có đó. Nó đi nó đứng như thể là nó không có thực ở trên dương thế, hoặc nếu như có, thì chỉ vì một lầm lẫn nào đó hay vì một phép lạ. Nó ăn nói nhỏ nhẹ, quý phái, lời thốt ra như âm điệu của bài hát. Khi nước Mỹ tham chiến, hai người em trai của cô Gamma rời đại học Berkeley để nhập ngũ, cô giáo đến lớp chúng tôi bằng đôi mắt đỏ ngầu và khuôn mặt thờ thẩn. Cô thật đáng phục khi dạy chúng tôi môn địa lý, rồi tuyên bố rằng vì biến cố quan trọng này, cả buổi còn lại chúng tôi được nghỉ, đọc thuộc lòng, và ca hát. Cô hỏi, Có ai tình nguyện đứng trước cả lớp và hát một bài hát ái quốc. Không có ai đề nghị ai hát cả.

Rồi thì Rosa Tapia đứng ra chỗ lối đi cạnh bàn nó và nói, Thưa cô Gamma, cô có muốn em hát bài “Juanita” không?

Cả lớp đều sững sờ, nhưng sững sờ nhất có lẽ là cô giáo Gamma của chúng tôi. Khuôn mặt buồn của cô nhui lại vì ngạc nhiên, và cô nói, Dĩ nhiên là cô muốn, Rosa ạ. Em hãy lên trước lớp.

Con bé người Mễ bước lên trước lớp mà chẳng hề lúng túng, nó nói, “Juanita”, và bắt đầu hát bằng tiếng mẹ đẻ của nó.

Con bé không hát chỉ bằng phổi và môi, mà bằng cả cái hình dáng của nó, cái hình dáng mơ mờ mà chỉ có chúng tôi là cảm biết được, bởi chúng tôi là những kẻ đang sống với nó giữa cái thực tại của ngủ và thức, và tất cả chúng tôi luôn cảm giác rằng con bé là không có thực, không phải chỉ còn là đứa con gái nữa. Và chúng tôi hiểu rằng, con bé có biết cũng không sao, và có lẽ càng không nên biết gì về văn phạm, về số học và về tất cả những cái chẳng đâu vào đâu đang được dạy dỗ chúng tôi.

Và có cả Carson Wampler nữa, một thằng mặt luôn cau có, con của một trong những người tầm thường ở miền Nam, đã đến miền Tây bằng xe ngựa, không tiền, đói, và khốn cùng dưới một căn lều nào đó ở miền Nam, cạnh đường xe lửa Santa Fe. Ngay cả mùa đông, Carson cũng không có giày để đi học. Vào mùa hè thì phần đông chúng tôi đều đi chân đất, trừ vài đứa con nhà giàu đi giày cho ra vẻ sang cả. Nhiều đứa chế giễu Carson và sỉ nhục nó thậm tệ, để rồi cuối cùng xa lánh và ghét bỏ nó, nhìn nó với vẻ khinh miệt. Nó trở nên luôn luôn cô đơn, im lặng, cau có và không có giày.

Từ lâu, nhìn khuôn mặt hốc hác của nó, tôi vẫn nuôi ý định đến gần nó, làm thân và nói chuyện, tỏ cho nó biết là tôi mến nó, nhưng có một cái gì đó quá cao cả trong niềm cô quạnh và vẻ khinh khỉnh của nó mà ta không dám chạm vào, và tôi ngại không sao bắt chuyện được với nó. Chân nó to bè, da dày và nứt nẻ, những khi trời lạnh quá nó đứng run rẩy dưới mái sân trường, và cả trần gian này hình như cũng thế, lạnh lẽo và bơ vơ quá chừng.

Bỗng nhiên nó thôi học, và tôi vô cùng thắc mắc không biết nó về đâu, chân đã có giày hay chưa. Những lúc đó nó hiện về với khuôn mặt mơ hồ mà thỉnh thoảng tôi bắt gặp trong mơ, và khi nhớ đến nó thì hình như nó chưa thực sự sống, chưa thực sự hiện hữu, và đúng ra tôi chỉ biết nó qua cái bí mật nơi lòng thương cảm của mình đối với con người và nhân thế. Nhưng tôi chẳng sao quên được vẻ khinh thị trên khuôn mặt hốc hác, cô quả và lấy bầy của nó.

Bao năm sau tôi hầu như đã hoàn toàn quên nó, và nếu có tưởng tượng, nó hiện ra với khuôn mặt một người lớn, thì, tôi lại gặp nó. Tôi đi với một người bà con trên chiếc Ford, qua vườn nho vùng Malaga. Lúc đó trời đã vào đông, các cây nho rụng hết lá và phong cảnh mong manh trơ trụi nhưng cái khí sắc lại đầy vẻ u trầm của tử biệt đằng dặc, điều đó tô điểm thêm cho cái vẻ đẹp của tiết trọng đông, và Carson hiện ra, cao lớn ra nhưng vẫn khuôn mặt hốc hác, đứng bên một cây nho gần đường, tay đang cầm một cái cuốc. Gặp lại nó tôi mừng quá, thấy nó vẫn luôn luôn là một thực tại chứ không phải là một ảo ảnh do tôi tạo ra, và thấy nó vẫn còn

sống, tôi mừng quá đến nỗi buột miệng gọi tên và hân hoan chào nó.

Chúng tôi thấy nhau trong lúc xe chạy, và sau khi tôi gọi tên nó, Carson nhăn mặt và búng mũi chế nhạo tôi. Nó làm vậy khiến tôi buồn quá. Tôi thấy tội nghiệp các điệu bộ buồn bã đó của nó, và tôi tự giận mình. Tôi cảm thấy mình đã tự hủy hoại một cái gì cao thượng vì đã muốn chạm vào, muốn cùng tôi được chia sẻ. Dĩ nhiên, mọi sự rắc rối phần lớn là do chiếc xe. Chúng tôi có quá ít thời gian để bày tỏ tình bạn, và chắc hẳn Carson bối rối và hoài nghi tất cả, nên đã phản ứng một cách nhậm lẹ, có nhiều tính tự vệ. Và ta chỉ nên tiếc rằng, tại sao giữa bọn con trai với nhau mà lại không có những cung cách giản dị và thẳng thắn hơn là phải búng mũi một cách khi dễ để bày tỏ thiện chí và niềm cảm thông. Tôi vẫn tin rằng ngay sau đó, nó sẽ cảm thấy xấu hổ vì cách hành xử hồ đồ và nông nổi của mình, và nếu có thì giờ thì chắc là nó sẽ tự vấn mà sửa đổi đôi chút.

Và tôi chẳng bao giờ còn gặp lại nó nữa.

Còn có Alice Shwab, cô bé Đức lai Do Thái, to xương, má ửng hồng, con gái của bác thợ sửa đồng hồ. Nó là một đứa chảnh tề và ăn nói, cư xử rất mực, mỗi buổi sáng nó đến lớp với một quả táo, một quả cam hay vài đoá hồng cho cô giáo. Có lần nó đem vào lớp một quả bí to đùng, bóng loáng. Quả bí to cỡ bằng cái đầu của nó, và sáng rực như một mặt trăng nhỏ. Nó hái ở vườn của bố nó và cô Gamma phải bỏ ra mười phút để ngời ca, bí là một loại rau ngon và ông Shwab là cha của Alice đã đem rau rắng đó vào cho lớp học. Thú thật, nơi quả bí có một cái gì khiến tôi không sao hiểu nổi, một cái gì sẽ phải xẩy ra sau rốt.

Suốt giờ vẽ, chúng tôi cố vẽ quả bí, nhưng chả đứa nào vẽ nổi. Cái làm cho thú vị nhất chính là màu quả bí, và chúng tôi không tài nào pha cho được cái màu của nó. Quả bí nhìn thật ngon lành nên đứa nào cũng nghĩ rằng nó phải có vị ngọt, nhưng cô Gamma nhú mày và nói rằng bí này không phải là để ăn mà là để chiêm ngưỡng.

Quả bí nằm mãi trên bàn cô giáo cho đến khi bắt đầu thối rữa, và rồi một ngày kia nó biến mất, nó tiêu tán như thể chẳng có chút liên hệ nào với những gì hữu hình, với trần thế.

Alice không phải là một đứa con gái đẹp; con gái lên chín chẳng có mấy đứa xuất sắc, trừ phi đối với cha mẹ chúng; nó còn xấu tệ nữa là khác. Các đường nét chưa được cân đối, và chính nó lại có vẻ như một cô bé quá ngoan. Không phải kể hết những điều này, nơi nó bao giờ cũng có vẻ nghiêm trọng, cho dù tất cả những gì nó làm đều có vẻ ta đây và đầy giả dối, nó có tác phong tình cảm hơn bất cứ đứa nào khác trong trường.

Mái tóc nâu sậm của nó thắt bím, buông thõng trên vai, khuôn mặt sáng sủa sạch sẽ, mắt long lanh với vẻ thông minh và nhanh nhẹn, đi đứng kiểu cách, cử động hóm hỉnh, ăn nói nhanh nhẩu, sắc bén và quyết liệt. Ở nơi nó không có tí gì là tiêu cực, nó là đứa sống động nhất lớp chúng tôi. Hiếm khi thấy nó trả lời sai, mà thắng hoặc nếu có sai lầm chút đỉnh thì mọi người, kể cả cô Gamma, đều cảm thấy rằng, không, có lẽ là do sách in sai chứ Alice thì không sai được. Nó hoàn hảo đến khó chịu vậy đó, và nếu như phải bỏ phiếu, thì hẳn mọi người đều phải nhất trí cao bầu chọn nó là một trong bốn đứa hứa hẹn thành công trong tương lai. Nó là cực cưng của cô giáo, và hẳn nhiên chẳng đứa nào thích nó, đứa nào cũng khó chịu cái kiểu cách hợm người của nó.

Một buổi sáng, với đôi môi run run, cô Gamma nói, Các em làm ơn đứng lên và cúi đầu. Alice đã chết rồi!

Thế là tất cả chúng tôi đều thương tiếc Alice và xúc động, cảm thấy đau khổ và phân vân không hiểu tại sao một con bé mà tất cả mọi người đều kỳ vọng vào nó, lại không còn nữa.

Và thêm một đứa khác đến lặng lẽ như một chiếc bóng, và nó trở thành anh em bầu bạn với tôi, mà tình thương tôi dành cho nó có phần còn hơn cho anh Krikor của tôi nữa, và nó đi vào đời tôi, cuộc đời xưa nay vất vưởng trong cái thế giới tối tăm của cha ông chúng tôi, một cuộc đời đã in dấu khuôn mặt và thẳng người của tôi và anh Krikor vào đó. Thằng bé này cũng đến từ những đau thương và thống khổ của cái quê nhà mệt mỏi của chúng tôi. Một kẻ mồ côi, chưa từng biết cười, từ thành phố Van cổ kính và thân yêu, thành phố của riêng chúng tôi, thành phố quê quán của con tim tôi, và tôi biết rằng cơn sợ hãi ái ngại đã làm cho nó im lặng. Tôi sẽ chẳng bao giờ biết được sự thật về đời nó (và cũng chính là đời tôi), tôi không bao giờ cảm được như nó về cái sâu thẳm mệnh mang phủ chụp lên chốn quê cũ của chúng tôi, và khi nó chết ấy là lúc tôi sống, tôi chỉ sống một phần, một phần nào đó thực sự của đời mình khi quay về với nó cùng với cái chết và kỷ niệm, và rồi tôi vẫn tồn tại, nhưng tồn tại với nỗi chết luôn sống động trong mình.

Một sáng mùa đông, cửa lớp bỗng mở ra và ông hiệu trưởng Dickey dẫn vào lớp chúng tôi một thằng nhỏ thó, ăn mặc hơi lạ, tỏ vẻ sợ sệt, và tôi nhận ra ngay nó là người Armenia, vẻ rụt rè của nó có một cái gì làm tôi run lên vì sung sướng, vì tôi cảm biết ngay đó là một người đồng hương của mình, ở nó hiện lên tất cả những biến cố, những ba đào của một vùng đất, và nó bất chấp mọi thứ để có thể sống còn, nhìn nó là để thấy mọi sự đều được an toàn, những giáo đường, những tiếng cười và những bài hát của chúng tôi. Qua nó, tôi nhận ra dân tộc mình, đất nước mình toàn vẹn và bất diệt. Tôi muốn đứng lên và đến che chở nó trước lớp học xa lạ, tôi nhìn nó mê mẩn và muốn nó ngẩng lên để thấy và biết rằng, ở nơi đây, giữa chốn xa lạ này đây, nó không hề cô quạnh, nó còn có một người anh em, là tôi đây.

Tôi đến làm thân với nó trong giờ ra chơi ngoài sân trường, chúng tôi nói chuyện với nhau bằng tiếng của quê nhà và trở thành bạn thiết ngay, nó kể cho tôi nghe những biến cố nơi cố hương, những ngày thất tán bom rơi đạn lạc, và vô số hình ảnh sống động của một thời chinh chiến...

Sau cùng, nó nói, Tao không sao kể cho mày nghe hết được, nhưng tất cả đã nát tan cả rồi và đến giờ tao cũng không tin là mình còn sống.

Nó theo học một hai năm gì đó, rồi bỗng nhiên, một hôm mẹ tôi gọi tôi đến bên bà và nói, Con có biết thằng nhỏ Gourken từ cùng quê mình đến đây không? Nó chết rồi. Và bà chỉ cho tôi xem một tấm ảnh của nó trên tờ Asbarez, rồi bà đọc bài tường thuật về đời nó.

Ôi biết nói làm sao! Chính lúc đó và ngay trong căn nhà này, tôi cảm thấy hết một phần đời mình quay về với người bạn thiết ấy cùng biết bao kỷ niệm nơi chốn quê nhà xa lắc. Và cũng chính lúc đó, tôi hầu như đang kề sát bên người anh em và cảm thấy cái chết đang mỗi lúc một sống động trong xương da não tủy mình.

Huy Tưởng dịch từ nguyên tác tiếng Anh

Rút từ Người có trái tim trên cao nguyên và những truyện ngắn khác, tập truyện ngắn W. Saroyan, Huy Tưởng dịch, Nxb Kinh thi, 1973

Một Ngày Lạnh

William Saroyan

Bất cứ ai đã từng sống ở San Francisco đều biết nơi này có thể lạnh tới mức nào, một cái lạnh thấu xương mà hàn thử biểu đôi khi cũng phải chịu thua. Dãy phố 348 đường Carl không có hệ thống lò sưởi. Và căn phòng nhỏ đằng trước đây là nơi làm việc của tôi, có lúc lạnh đến nỗi tôi thường phải cử động luôn tay để có thể đánh máy được, như truyện sau đây sẽ đề cập đến. Nhưng không phải chỉ có mỗi cái lạnh là điểm chính yếu của truyện, hoặc nữa không phải là cái lạnh của cả thế gian, mà chính là cái lạnh ngay trong mỗi con người, làm tê cóng tâm can hần và rất khó mà hoài nghi cái việc hần muốn làm. - William Saroyan.

Một ngày lạnh

M. thân mến,

Tôi muốn cho anh biết rằng hôm nay ở San Francisco trời lạnh lắm, và tôi tê cóng thực sự. Trong phòng tôi lạnh đến nỗi mỗi lần bắt đầu viết một truyện ngắn thì cái lạnh ngăn cản tôi và tôi phải đứng dậy làm vài thao tác uốn người, gập lưng, vung tay này nọ. Tôi nghĩ, như thế là người ta nên chế tạo một cái gì đó để giúp cho những nhà văn viết truyện ngắn được ấm áp. Đôi khi trời lạnh quá tôi lại có thể viết được tác phẩm xuất sắc, nhưng cũng có khi không nên cớ nên cháo gì cả. Gặp lúc thời tiết hết sức tốt đẹp cũng vậy. Tôi ghét nhất là để một ngày trôi qua mà không viết được một truyện ngắn, và vì thế mà tôi viết lá thư này: để anh biết rằng tôi rất bực mình cái thời tiết khỉ gió này. Đừng cười mà nghĩ rằng tôi đang ở trong một căn phòng ấm áp xinh xắn ở California đầy nắng, như người ta thường tả vậy, và bịa chuyện về cái lạnh. Quả là tôi đang co ro trong một căn phòng lạnh giá, không một ánh mặt trời, và cái độc nhất đang chiếm lĩnh tôi chính là cái rét cắt da. Tôi bị tê buốt và hai hàm răng đánh lộn cập. Tôi muốn biết Đảng Dân chủ đã làm được gì cho những nhà văn viết truyện ngắn bị chết rét, trong khi những người khác đều có lò sưởi. Chúng tôi phải dựa vào mặt trời, đến khi mùa đông lại thì không có mặt trời để mà... dựa. Đó là mối phiền não tôi đang gặp phải: muốn mà không sao viết được, vì tê lạnh.

Một ngày đông năm ngoái, mặt trời hiện ra và ánh nắng rọi vào, những vệt ấm rơi lên bàn khiến cho chúng tôi: tôi, bàn ghế, tủ giường, căn phòng cảm thấy dễ chịu. Và tôi chỉ cần làm vài cử động uốn người mau lẹ là có thể ngồi xuống viết thẳng mạch một truyện ngắn. Nhưng đó là một ngày đông vì trước khi tôi viết xong đoạn đầu truyện Mặt trời đã rơi lại sau những đám mây, và tôi ngồi lặng lại trong buồng, ngồi trong lạnh lẽo, viết một truyện ngắn khác. Đó là một truyện ngắn hay đến nỗi, mặc dù vẫn biết sẽ chẳng bao giờ được in hay đăng báo, tôi vẫn phải

tiếp tục viết, và vì thế khi viết xong truyện, tôi bị cứng đờ cả người. Mặt tôi tái bệch, chân tay không sao nhúc nhích nổi, tứ chi hầu như mệc đờ và nhúc buốt. Căn phòng thì đầy khói thuốc lá Chesterfield, nhưng mà ngay cả khói thuốc cũng bị đông giá lại. Có những đám mây khói trong phòng, nhưng giá lạnh vẫn hoàn giá lạnh. Một lần, trong khi viết, tôi đã định lấy một cái chậu và đốt lửa lên trong đó. Điều tôi định làm là đốt cỡ nửa tá sách để sưởi ấm, may ra có thể viết thêm được vài truyện ngắn. Tôi tìm thấy một cái chậu cũ, tôi khênh nó vào phòng, nhưng khi nhìn quanh tìm sách để đốt, tôi chẳng lựa lấy được một cuốn. Tất cả những sách của tôi đều cũ và rẻ tiền. Tôi có khoảng năm trăm cuốn, giá mỗi cuốn trung bình năm xu, nhưng khi nhìn quanh kiểm tựa sách để đốt, tôi thừ mặt ra. Có một cuốn lớn, nặng, bằng tiếng Đức về giải phẫu học, đốt lên hẳn sẽ được một ngọn lửa ấm, nhưng khi mở ra và lướt mắt một hàng trên cái ngôn ngữ xinh đẹp đó, sie bestehen aus zwei Huftgelenkbeugemeskeln des Oberschenkels, von denen der eine breitere, vân vân, tôi chùn lại không thể nào đốt được. Thế là đòi hỏi nhiều quá. Tôi không hiểu lấy một chữ của cuốn sách, nhưng dù sao đi nữa nó quá hùng hồn để mà giao gửi cho bà hỏa. Cuốn sách tôi mua mất năm xu khoảng hai ba năm trước, và sách cân nặng trên dưới ba ký, nên anh thấy đó, dù dùng làm củi đi nữa, nó vẫn rẻ chán và lẽ ra tôi đã có thể xé toang các trang ra và đốt thành ngọn.

Nhưng chịu, tôi không thể làm thế được. Sách dày đến hàng ngàn trang và cứ đốt mỗi lúc một tờ để nhìn ngọn lửa bốc lên lung linh ấm áp, nhưng chỉ nghĩ tới việc các con chữ bị lửa xóa rụi và cái ngôn ngữ chính xác đó biến mất khỏi tủ sách của tôi, tôi không thể nào làm thế được, và tôi vẫn giữ lại cuốn sách. Khi tôi chán đọc những nhà văn vĩ đại, tôi thường quay sang cuốn sách này và đọc cái ngôn ngữ mà tôi không tài nào hiểu hết, während der Kindheit ist sie von birnformiger Gestalt und liegt vorzugsweise in der Bauchhöhle. Nghĩ tới việc thiêu hủy một ngàn trang thứ ngôn ngữ như vậy thì quả là phạm thượng. Và dĩ nhiên, đó là chưa kể những tranh ảnh tuyệt diệu trong đó.

Tôi lại quay sang tìm trong ngăn để các loại tiểu thuyết rẻ tiền.

Và anh biết đấy, thế giới đầy ứ những thứ như vậy. Trong mười thì hết chín cuốn đã là tiểu thuyết rẻ tiền, vô giá trị, rẻ rúng vô ích. Tôi nghĩ, chà chà, trong tủ sách của mình có khối những loại sách này, tha hồ mà đốt lên cho ấm và viết truyện thả giàn. Thế là tôi chọn ra ngay sáu cuốn, và coi bộ cũng cân nặng bằng cuốn giải phẫu học tiếng Đức kia. Cuốn thứ nhất là Tom Brow ở Oxford; Hậu quả của những ngày đi học ở Rugby, một bộ gồm hai cuốn. Cuốn thứ nhất dày 378 trang, cuốn thứ hai 430, và tất cả những trang này khi đốt lên hẳn sẽ có được một ngọn lửa cháy ngon lành. Nhưng khổ thay là tôi chưa đọc chúng và cảm thấy mình không có quyền đốt một cuốn sách khi chưa thưởng thức trọn vẹn. Nhìn qua thì như thể một loại tản văn rẻ tiền, một cuốn đáng để đốt, nhưng tôi không làm được. Tôi thử đọc, Gác chuông rung chuyển, theo từng hồi rền vang, khi vui, khi khinh miệt, khi rền rĩ, từ những cửa sổ gác chuông tan loãng vào lòng cơn gió tây nam dịu dàng, vẫn vờ quanh cái tháp xám cũ của nhà thờ Englebourn. Rõ ràng đây không phải là loại tản văn phi thường gì, nhưng cũng không đến nỗi tệ lắm. Thế là tôi mời ngài hồi cư lại kệ sách.

Cuốn sau là Inez: Sự tích đồn Alamo, đề tặng những nhà ái quốc Texas. Cuốn này cũng cùng tác giả với một cuốn khác, có tên Beulah, cùng một cuốn khác nữa là St. Elmo. Điều độc nhất tôi biết về tác giả hoặc tác phẩm của bà là nhờ một hôm, một nữ sinh bị khiển trách nghiêm trọng vì đã đem vào lớp cuốn St. Elmo. Người ta bảo đó là một loại sách sẽ làm đồi bại phẩm hạnh một cô gái. Vâng, tôi cũng mở ra đọc chút chơi, Tôi đang hấp hối; và, cảm thấy như mình chỉ

còn vài giờ, tôi sẽ không ngần ngại mà nói một cách tự do và ngay thật. Có thể có người nghĩ rằng tôi đã đánh lệch mất cái dịu dàng của nữ tính; nhưng, trong cảnh ngộ này, tôi thấy mình không phải vậy. Em vẫn yêu anh lâu rồi, và biết rằng tình mình đã được hồi đáp, thật là một nguồn hạnh phúc vô bờ và làm sao em nói lên cho hết được... Đây là cái thứ văn dở tệ, tệ đến nỗi biến thành hay, và tôi quyết định hễ có dịp là đọc trọn cuốn sách liền. Một nhà văn trẻ có nhiều cái để học nơi những nhà văn xoàng xĩnh nhất. Đốt sách dở cũng thật là có hại, đôi khi còn có hại hơn cả đốt sách hay nữa.

Cuốn tiếp theo là Mười đêm trong một quán rượu, và tôi thấy gì ở đằng kia của T. S. Arthur. Ổi dà dà, ngay cả cuốn này cũng quá hay để mà đốt đi. Ba cuốn khác là của Hall Caine, Brander Matthews và Upton Sinclair. Tôi chỉ mới đọc có cuốn của ông Sinclair, và khi tôi không thích coi nó như một văn phẩm tí nào, tôi cũng không đốt được vì sách in quá đẹp và đóng kỹ càng. Trên phương diện hoạt bản, nó là một trong những cuốn cừ nhất của tôi.

Dù sao, tôi cũng không hề đốt bỏ một trang sách nào, và tôi vẫn tiếp tục lạnh cóng và viết. Thỉnh thoảng đánh một que diêm chỉ để nhắc nhở mình về một ngọn lửa nó như thế nào, và để theo sát với ý tưởng về sự ấm cúng. Khi tôi muốn châm một điếu thuốc khác và thay vì thổi tắt ngọn lửa ngay, tôi lại để nó cháy lan đến tận ngón tay.

Chỉ giản dị vậy đấy: rằng nếu anh có chút ý tưởng kính trọng sách vở, nó tiêu biểu cho những gì cao cả trong đời sống, nếu như anh tin nơi giấy trắng mực in, anh không tài nào đốt được dù một trang của bất cứ cuốn sách nào. Dù anh có lạnh đến chết cóng, dù anh đang viết những gì quan trọng, anh cũng không thể làm thế được. Thế là đòi hỏi quá nhiều.

Hôm nay, trong phòng tôi trời cũng lạnh như cái hôm tôi muốn đốt lửa bằng sách. Tôi đang ngồi trong giá rét, hút thuốc, và cố diễn tả cái lạnh này lên giấy, để khi trời San Francisco ấm lại, tôi sẽ không quên cảm giác của những ngày giá lạnh buốt xương buốt tủy nó như thế nào. Tôi có cái máy hát nhỏ trong phòng, và tôi mở máy khi muốn vận động để giữ ấm. Ái chà, khi trời trở lạnh quá độ, máy hát cũng nằm ì ra. Có cái gì hóc hổng bên trong, dầu mỡ đông cứng lại và bánh xe mắc kẹt, tôi đành không có nhạc khi cúi xuống và vung tay. Cử động mà không có nhạc thì buồn chết được, với nhạc Jazz thì thích nhất, nhưng một khi cái lạnh len đến tận máy móc để phá hoại thì thật là khó nghĩ quá. Suốt từ tám giờ sáng đến giờ này là năm giờ kém mười lăm, tôi phải chôn thân trong cái phòng lạnh giá, thật muốn điên lên mất. Tôi ghét phải để một ngày trôi qua mà không làm được gì, không nói năng chuyện trò, lại phải ngồi suốt ngày với những cuốn sách chưa từng đọc, cố bắt đầu vẫn chưa tới đâu cả. Tôi đi lại trong phòng cho hết thời gian (hai bước và bất cứ hướng nào cũng chạm phải bức tường) vung vẩy tay. Tôi thực sự chỉ có làm vậy. Cố mở máy hát năm bảy lần để xem nhiệt độ có lên chút đỉnh không, nhưng nhiệt độ chẳng động tĩnh và máy hát thì vẫn trơ lì ra đó.

Tôi nghĩ, cần phải cho anh biết điều này. Cũng chẳng có gì hệ trọng lắm đâu, nói nhiều một chút về trời lạnh kể cũng hơi dớ dẩn, nhưng hôm nay quả nhiên cái lạnh là một sự kiện, và hiện giờ nó là một việc quan trọng và tôi đang nói về nó. Điều làm tôi kinh ngạc và thú vị trước tiên chính là cái máy chữ, nó không hề bị thời tiết quấy rầy. Nhớ cái hồi Giáng sinh đến với trời trở lạnh, máy luôn luôn kẹt tắc, và khi càng cho dầu vào máy càng hư报废, tôi chẳng biết làm sao nữa. Lý do là vì tôi cho nhầm dầu. Nhưng suốt thời gian khi tôi viết về cái lạnh thì máy chữ lại làm việc đắc lực, hỏi anh chứ tôi không ngạc nhiên và thích thú sao được. Nghĩ rằng bất chấp trời lạnh, chiếc máy vẫn đánh được cái ngữ nghĩa của tôi thì quả là tuyệt thú. Nó khuyến khích tôi bám trụ, dù có gì xảy ra. Tôi tự nhủ, nếu máy còn tốt thì ta phải gò lưng làm việc cho xứng

hợp với tấm lòng của nó. Rốt cùng, là như thế đó, nếu anh không viết được một truyện ngắn kha khá về cái lạnh, thì hãy viết một cái gì khác. Viết bất cứ gì. Viết một lá thư dài cho ai đó, nói cho họ biết anh đang bị công lạnh đến cỡ nào. Lúc người ta nhận được thư, mặt trời sẽ hiện ra và anh lại được ấm áp, nhưng lá thư vẫn còn đó, nó nhắc nhở về một cái buổi giá ghê người. Nếu trời lạnh đến nỗi khiến anh không viết được chút tản văn tầm thường, tại sao, về cái gì, nói những gì xảy đến, chỉ vì đó là sự thực. Nói về những ngón chân đang tê cứng khốn khổ, về cái lúc mình thực sự muốn đốt sách để giữ hơi ấm nhưng không sao làm được, về máy hát chẳng hạn. Nói về những gì nhỏ nhất trong một ngày lạnh, khi tâm trí mình tê dại và tay chân thì cứng đờ. Đề cập đến những gì mình muốn viết mà không viết được. Đây là những gì mà tôi đang thầm nhủ.

Sau khi uống cà phê sáng nay, tôi đến đây để viết một truyện ngắn quan trọng. Cà phê giúp tôi ấm và tôi không nhận thức được sự thực trời lạnh đến thế nào. Tôi lấy giấy ra và bắt đầu sắp xếp ý tưởng, cấu trúc cho cái truyện quan trọng này - mà mãi mãi sẽ không bao giờ được viết ra, vì lạnh giá ngấm vào xương da não tủy, làm đông đặc và tê dại mọi thứ, và thế là hết, vì với tôi một khi đã mất một cái gì là sẽ mất nó vĩnh viễn, và tôi chỉ còn biết tuôn ra khỏi ghế để nhún nhảy cho ấm người. À, tôi có thể nói và cho anh một vài ý kiến về cái truyện đã vượt khỏi tôi nó như thế nào. Tôi chỉ biết có thế, nhưng tôi không viết và truyện thì đã mất đi. Chính nó sẽ gọi cho anh một vài nhận xét nào đó về văn cách của tôi.

Cũng xin bộc bạch với anh một đôi điều mà chính tôi đã tự nói với mình trong sáng nay khi sắp đặt cái truyện ngắn trong đầu.

Nghĩ về nước Mỹ, tôi tự nhủ thế. Tất cả các đô thị, các nhà cửa, tất cả những người người ngợm ngợm, sự đến lẫn sự đi, trẻ con sinh ra chưa kịp nhìn ngó gì cả đã phải nhắm mắt lìa đời, những chuyển động phi lý của đời sống cơ khí rộn rịp, sự hùng biện lẫn niềm đau khổ trên đất Mỹ, sự sợ hãi và nỗi khao khát thầm kín của muôn ngàn sinh linh trên chốn phồn hoa. Nhớ những máy móc vĩ đại, những bánh quay, những cột khói, nhớ những cảnh tượng hỗn độn của bao con người suốt ngày quần thảo trong những hầm mỏ. Nhớ đến báo chí và những rạp hát cùng tất cả những thứ nhộn nháo trong xứ cờ hoa này. Và đặt cái mục đích tối thượng lên hàng đầu: gọi ra cái cường vĩ của cuộc sống, dấu trong một cơ cảnh nào chẳng nữa.

Đoạn quay về với những riêng biệt. Đến với một con người đơn độc nào đó và ở lại với hắn ta, trong hắn, một cách thương mến; tìm hiểu cái nhiệm màu và phát lộ ra cái chân lý rục rĩ của đời sống hắn bằng một thứ tản văn vĩ đại, viết một cách dung dị, lột tả rằng hắn là của thời gian, của máy móc nhiều khô, của khói của lửa, của vòng vây báo chí và tiếng ồn động inh ỏi. Đi với hắn vào những bí ẩn riêng tư, với một văn thể dịu dàng, mức cạn cho hết những ẩn mật của kiếp người. Đừng lừa mị. Đừng bày chuyện chỉ vì muốn được vui lòng bất cứ một ai. Không cần có cảnh một người bị giết ghê rợn trong truyện của anh. Chỉ kể lại những gì là biến cố lớn lao trong lịch sử, tất cả mọi thời, cái chân lý tầm thường và phi nghệ thuật của hiện hữu. Chẳng có đề tài nào ghê gớm hơn: không ai cần phải hung bạo để giúp anh làm nghệ thuật của anh. Đã có thừa hung bạo. Dĩ nhiên chỉ đề cập đến nó những khi hợp lý và cần thiết, đúng lúc. Đề cập đến chiến tranh, đến tất cả những cái xấu xa lẫn sự tàn tạt. Làm việc với một lòng thương yêu vô cầu, miễn sao có thể nhấn mạnh cho được cái chân lý rục rĩ của cuộc sống. Đó là điểm chính của đề tài, không nhất thiết phải tạo ra một cực điểm để đắc thắng. Nhân vật mà anh viết đến không cần phải là một vị anh hùng hay dị thường nào cả để khả dĩ làm cho văn chương của mình to tát hay lẫm liệt hơn lên. Hãy để cho hắn làm những việc thường nhật, từ sáng đến tối,

nổi dài cuộc sống từng ngày. Hãy để hần đi đứng, nói năng, nghĩ ngợi, ngủ ngáy và mơ mộng cũng như thức tỉnh và lặp đi lặp lại những động tác cũ mòn, và sống. Thế cũng đủ để viết cho cả một đời văn. Ít khi thấy một truyện ngắn rập khuôn ở trong đời, cũng như những biến cố trong đời cũng ít khi ăn khớp với truyện ngắn hay hình thức khác là của những bài thơ, hoặc những cách thái khác của nghệ thuật. Ý thức của anh là cái hình thức độc nhất anh cần. Sự hiểu biết của anh cũng vậy. Nói về nhân vật này và thừa nhận sự hiện hữu của hần, tức là nói về nhân vật muôn thuở: con người.

Chà, đây chỉ là một ý tưởng xoàng về thể truyện ngắn phải như thế nào. Tôi được sưởi ấm chút ít nhờ cà phê khi đang tự nhủ phải viết gì và bằng cách nào, nhưng giờ thì tôi đang bị tê cóng, và đây là đề tài gần nhất về những gì đang nhảy múa trong tâm trí. Nó hần đã là một cái gì hay ho, nhưng câu chuyện giờ chỉ còn trong tôi như một ký ức mơ hồ. Tôi chỉ có thể ghi lại ký ức này. Ngày mai, viết một truyện ngắn khác. Tôi sẽ ngoái nhìn lại với một quan điểm khác. Tôi nào biết chắc gì được, nhưng có thể tôi sẽ cảm thấy tự phụ và nổi cơn chế giễu cái xứ sở cùng con người và đời sống ở đây. Có thể lắm chứ. Trước đây tôi đã từng nổi sùng với các đảng chính trị cùng với sự nhúng nhem của họ. Tôi ngồi xuống và bày trò chế diễu cái xứ sở kênh cang này. Tôi đâm ra đê tiện, tôi biến con người thành một thứ vừa thối vừa nát, vô giá trị và bẩn thỉu. Con người, không hoàn toàn là như vậy, nhưng tôi chìm nó xuống thế đấy. Nó là một cái gì khác, một cái gì hiển nhiên hơn, nhưng để mà giễu cợt thì con người được coi là ngon cơm hơn cả. Công việc của tôi là thấu đáo sự thật. Chả ai nói đến sự thật, tại sao tôi phải nói nhỉ? Ai cũng ba hoa chích chòe lòn loẹt, viết những truyện và tiểu thuyết ly kỳ hấp dẫn, tại sao tôi phải bận tâm đến sự thật cơ chứ? Chả có sự thật. Chỉ có văn phạm chấm câu và tất cả những gì nhằm nhí khác. Nhưng tôi biết mình hơn, tôi có thể nổi cơn khùng và chế nhạo mọi chuyện. Chế nhạo hết cỡ, dẫn đến sự thể khá buồn rầu và cảm động.

Suốt ngày tôi ở trong cái phòng giá lạnh này, muốn nói một cái gì xác thực và sạch sẽ về tất cả những gì chúng ta đang sống. Nhưng trời lạnh quá, không sao nói được. Tôi chỉ biết vung tay, hút thuốc lá và cảm thấy ươn mình ra.

Sáng hôm nay khi tôi ấm nhờ cà phê, tôi nghĩ đến cái truyện vĩ đại này, sẵn sàng để cho in, nhưng nó vượt thoát như con thuồng luồng mất rồi.

Giờ đây, tôi chỉ có thể kể nhiều nhất là ở San Francisco trời thì lạnh cắt da, và tôi đang bị tê cóng.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>